Số: 51/NQ-HĐND
Thời gian ký: 2026-11-15T19:28:48+07:00

Phụ lục IV

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm (-)	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác					Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
	TỔNG SỐ (A+B+C)						**80.971.610**	**59.329.473**	**21.642.137**	**16.847.905**	**10.982.773**	**5.755.474**	**15.384.700**	**2.697.500**	**7.820.000**	**4.780.000**		**87.200**	**3.786.355**	**-1.455.882**	**17.715.174**	**5.115.174**	**2.320.000**	**4.780.000**	**5.500.000**	**-**	
A	**DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP GIAI ĐOẠN 2026-2030**						**52.571.213**	**38.622.600**	**13.948.613**	**16.839.222**	**10.974.090**	**5.755.474**	**10.075.234**	**1.069.767**	**6.470.391**	**2.447.876**	**-**	**87.200**	**91.638**	**-1.095.643**	**9.071.229**	**969.897**	**125.057**	**2.631.315**	**5.344.960**	**-**	
I	**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KHẨN CẤP PHỤC VỤ HỘI NGHỊ APEC 2027**						**17.787.211**	**10.381.526**	**7.405.685**	**1.624.208**	**911.708**	**712.500**	**5.181.574**	**-**	**5.181.574**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-475.745**	**4.705.829**	**-**	**-**	**-**	**4.705.829**	**-**	
1	Dự án đầu tư Hồ nước Cửa Cạn	đặc khu Phú Quốc					451.931	338.235	113.696	32.000	32.000	-	157.099	-	157.099	-	-	-	-	-7.872	149.227	-	-	-	149.227	-	
+	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư Hồ nước Cửa Cạn		UBND đặc khu Phú Quốc	8160321	2025-2027	số 1512/QĐ-UBND, 14/10/2025 của UBND tỉnh An Giang	451.931	338.235	113.696	32.000	32.000		157.099		157.099				0	-7.872	149.227				149.227		
2	Dự án đầu tư Hồ nước Dương Đông 2						2.016.000	1.559.791	456.209	-	-	-	1.468.628	-	1.468.628	-	-	-	-	0	1.468.628	-		-	1.468.628	-	
+	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư Hồ nước Dương Đông 2	đặc khu Phú Quốc	UBND đặc khu Phú Quốc	8160322	2025-2027	số 1834/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND tỉnh	2.016.000	1.559.791	456.209	-			1.468.628		1.468.628				0	0	1.468.628				1.468.628		
3	Dự án Đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ ĐT.973 – Cảng hàng không Phú Quốc - ĐT.975 – ĐT.973	đặc khu Phú Quốc					8.224.943	2.467.483	5.757.460	699.000	174.000	525.000	380.119	-	380.119	-	-	-	-	-354.119	26.000	-	-	-	26.000	-	
+	Dự án thành phần xây dựng Đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ ĐT.973 – Cảng hàng không Phú Quốc - ĐT.975 – ĐT.973		Sở Xây dựng tỉnh An Giang	8160209	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1769/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của UBND tỉnh	6.837.312	2.051.194	4.786.118	698.000	173.000	525.000	354.119		354.119				0	-354.119	-						
+	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường tỉnh ĐT.975 (Đoạn từ ĐT.973 - Cảng hàng không Phú Quốc - ĐT.975 - ĐT.973)		UBND đặc khu Phú Quốc	8160241	2025-2027	Số 1518/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND tỉnh	1.387.631	416.289	971.342	1.000	1.000		26.000		26.000				0	0	26.000				26.000		
4	Dự án Đại lộ APEC, gồm:						902.960	503.640	399.320	-	-	-	200.000	-	200.000	-	-	-	-	0	200.000	-		-	200.000	-	
+	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đại lộ APEC	đặc khu Phú Quốc	UBND đặc khu Phú Quốc	8160323	2025-2027	Số 1513/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/10/2025	902.960	503.640	399.320	-			200.000		200.000				0	0	200.000				200.000		
5	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá hạ tầng kỹ thuật khu vực Dương Đông	đặc khu Phú Quốc	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	8160185	2025-2027	số 1770/QĐ-UBND, 17/6/2025; số 2051/QĐ-UBND, 28/6/2025; số 2768/QĐ-UBND, 14/6/2026 của UBND tỉnh	550.000	165.000	385.000	182.084	66.584	115.500	93.910		93.910				0	-43.910	50.000				50.000		
6	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá hạ tầng kỹ thuật khu vực An Thới	đặc khu Phú Quốc	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	8160184	2025-2027	số 1854/QĐ-UBND ngày 20/6/2025; số 2052/QĐ-UBND ngày 28/6/2025; số 3051/QĐ-UBND, 30/6/2026 của UBND tỉnh	420.000	126.000	294.000	125.305	53.305	72.000	11.390		11.390				0	-11.390	-						
7	Khu tái định cư Cửa Cạn	Đặc khu Phú Quốc	UBND đặc khu Phú Quốc	8160419	2025-2027	số 2329/QĐ-UBND, 13/12/2025; số 4822/QĐ-UBND, 23/10/2026 của UBND tỉnh;	1.650.000	1.650.000		256.000	256.000		510.000		510.000				0	0	510.000				510.000		
5	Khu tái định cư An Thới	Đặc khu Phú Quốc					1.319.408	1.319.408	-	5.000	5.000	-	1.141.000	-	1.141.000	-	-	-	-	-18.454	1.122.546	-		-	1.122.546	-	
+	Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình Khi tái định cư An Thới		UBND đặc khu Phú Quốc	8160420	2025-2027	số 1163/QĐ-UBND, 19/9/2025 của UBND tỉnh;	379.058	379.058		4.000	4.000		300.000		300.000				0	0	300.000				300.000		
+	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Khu tái định cư An Thới		UBND đặc khu Phú Quốc	8162779	2025-2027	số 1517/QĐ-UBND, 14/10/2025 của UBND tỉnh;	940.350	940.350		1.000	1.000		841.000		841.000				0	-18.454	822.546				822.546		
6	Khu tái định cư Hồ Suối Lớn	Đặc khu Phú Quốc					1.051.969	1.051.969	-	5.819	5.819	-	919.428	-	919.428	-	-	-	-	0	919.428	-		-	919.428	-	
+	Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư hồ Suối Lớn		UBND đặc khu Phú Quốc	8160417	2025-2027	số 2363/QĐ-UBND, 16/12/2025; số 2823/QĐ-UBND, 23/10/2026 của UBND tỉnh;	308.956	308.956		4.000	4.000		252.000		252.000				0	0	252.000				252.000		
+	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Khu tái định cư hồ Suối Lớn		UBND đặc khu Phú Quốc	8166097	2025-2027	số 1981/QĐ-UBND, 16/11/2025 của UBND tỉnh; số 2941/QĐ-UBND, 26/6/2026 của UBND tỉnh;	743.013	743.013		1.819	1.819		667.428		667.428				0	0	667.428				667.428		
10	Khu tái định cư Hàm Ninh	Đặc khu Phú Quốc	UBND đặc khu Phú Quốc	8160418	2025-2027	số 2278/QĐ-UBND, 09/12/2025; số 4826/QĐ-UBND, 23/10/2026 của UBND tỉnh;	1.200.000	1.200.000		319.000	319.000		300.000		300.000				0	-40.000	260.000				260.000		
II	**NGÀNH/LĨNH VỰC GIAO THÔNG**						**19.918.503**	**16.377.099**	**3.541.404**	**8.496.859**	**4.959.235**	**3.537.624**	**2.285.580**	**631.738**	**452.020**	**1.201.822**	**0**	**0**	**0**	**-245.000**	**2.040.580**	**550.868**	**45.900**	**1.248.405**	**195.407**	**0**	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	xã Kiên Lương, xã Hòn Đất	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	7883640	2021-2026	số 2247/QĐ-UBND, 21/9/2021; số 502/QĐ-UBND, 23/02/2022; số 2192/QĐ-UBND, 05/9/2023; số 239/QĐ-UBND, 22/01/2025; số 2649/QĐ-UBND, 26/12/2025	1.479.922	179.922	1.300.000	1.300.000		1.300.000	179.000			179.000			0	-50.000	129.000			129.000			
2	Đường dẫn ra cảng tổng hợp thành phố Hà Tiên	phường Hà Tiên	UBND Phường Hà Tiên	8093067	2025-2027	Số 4687/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND TP HT	1.177.000	877.000	300.000	300.000		300.000	140.000			140.000			0	0	140.000			140.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm (-)		Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn Phúc Chu (Quốc lộ 80) đoạn từ Km206 + 980 đến Km211 + 218,9)	Phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên	7742397	2019-2026	891/QĐ-UBND 30/6/2023; 485/QĐ-UBND 01/4/2025; 1403/QĐ-UBND 23/6/2025 của UBND TP Hà Tiên	350.000	350.000		397.768	279.000	118.768	60.000		60.000					0	0	60.000				60.000		
4	Dự án kè chống sạt lở khu dân cư và đường vành đai Nam Đông Hồ, thành phố Hà Tiên	Phường Hà Tiên	UBND phường Tô Châu	8065960	2024-2027	1125/QĐ-UBND 24/5/2024 của UBND TP. Hà Tiên	550.000	550.000		331.614	331.614		70.000	-		70.000			0	0	70.000	-		70.000			
5	Nâng cấp, mở rộng đường quanh đảo Hòn Đốc (đoạn Bãi Bắc)	Tiên Hải	UBND phường Tô Châu	8123218	2024-2026	4674 ngày 10/12/2024; 931 ngày 30/9/2025	4.093	4.093		1.348	1.348		2.745	2.745					0	0	2.745	2.745					
6	Dự án Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến đường Tú Xương và đoạn từ Cổng số 1 đến đường Nguyễn Thái Bình)	Phường Rạch Giá	UBND phường Rạch Giá	8129745	2024-2027	1018/QĐ-UBND 30/10/2024 của UBND TP. Rạch Giá	210.000	210.000		50.000	50.000		75.000	-		75.000			0	0	75.000	-		75.000			
7	Đường Trần Văn Giàu (KDC Nam An Hòa - đường Phan Thị Ràng)	Phường Rạch Giá	UBND phường Rạch Giá	7812901	2019-2026	Số 2508/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; Số 2462/QĐ-UBND ngày 18/10/2021; Số 1702/QĐ-UBND ngày 13/6/2025; số 2823/QĐ-UBND, 18/6/2026 của UBND tỉnh	76.000	76.000		65.000	65.000		11.000	11.000					0	0	11.000	11.000					
8	dự án Cầu Giải Phóng 9, thành phố Rạch Giá	Phường Vĩnh Thông	UBND phường Vĩnh Thông	8035230	2023-2026	1090-UBND 13/11/2023; 2725-UBND 07/11/2025; 3329-UBND 16/12/2025	870.000	870.000		632.000	632.000		150.000		150.000				0	-20.000	130.000				130.000		
9	Cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc	Đặc khu Phú Quốc	UBND đặc khu Phú Quốc	7518929	2015-2026	số 555/QĐ-UBND ngày 20/3/2015; số 794/QĐ-UBND ngày 31/3/2017; số 1412/QĐ-UBND ngày 21/6/2018; số 3018/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; số 1702/QĐ-UBND ngày 06/7/2022; số	1.644.728	476.972	1.167.756	1.286.726	245.972	1.040.754	85.556			85.556				0	0	85.556			85.556			
10	Đầu tư xây dựng công trình Cầu trên tuyến đường bộ ven biển kết nối từ An Biên - thành phố Rạch Giá	xã An Biên và phường Rạch Giá	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	8078475	2024-2029	Số 1140/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của UBND tỉnh	3.900.000	3.900.000		1.062.000	1.062.000		250.000			250.000			0	-50.000	200.000			200.000			
11	Nâng cấp tuyến đường Nam Cần Thảo (từ QL91 đến rừng tràm Trà sư, huyện Tịnh Biên)	xã Châu Phú; phường Tịnh Biên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7936153	2023-2026	2663/QĐ-UBND 03/11/2022; 946/QĐ-UBND ngày 06/6/2025	240.919	240.919		148.588	148.588		40.000	40.000					0	-10.000	30.000			30.000			
12	Nâng cấp, mở rộng đường bờ Đông liên xã	xã An Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7955598	2023-2026	2654/QĐ-UBND 31/10/2022	144.195	144.195		54.570	54.570		42.158	42.158		-			0	0	42.158	42.158		-			
13	Nâng cấp, mở rộng đường Hương lộ 11 (bao gồm tuyến chính và tuyến nhánh đi đến trung tâm xã Tân Lập đấu nối với đường tỉnh 945)	xã Núi Cấm	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7995084	2023-2026	1710/QĐ-UBND 25/10/2023	222.393	222.393		94.573	94.573		59.473	59.473	-	-			0	-30.000	29.473		-	29.473			
14	Tuyến tránh sạt lở tỉnh lộ 954 xã Phú An	xã Phú An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8087122	2025-2027	1941/QĐ-UBND 13/12/2024; 2886/QĐ-UBND, 22/6/2026	70.250	70.250		50.000	50.000		12.690	12.690	-	-			0	0	12.690	12.690	-	-			
15	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện ĐH.08, xây dựng cầu Đúc kênh Cũ và cầu sắt kênh Ranh làng (Vĩnh Nhuận - Vĩnh Hanh)	Châu Thành (AG)	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8155259	2025-2026	55A/QĐ-UBND 25/02/2025	49.234	49.234		6.884	6.884		18.850	18.850					0	0	18.850	18.850					
16	Xây dựng mới cầu Vĩnh Nhuận - Tân Phú (thuộc tuyến đường ĐH.06)	Châu Thành (AG)	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8155261	2025-2026	56A/QĐ-UBND 25/02/2025	20.463	20.463		8.063	8.063		9.400	9.400					0	0	9.400	9.400					
17	Thảm nhựa tuyến đường Tân Lộ Kiểu Lương (02 bên lề xe máy)	Châu Đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8160481	2025-2026	3285/QĐ-UBND ngày 16/6/2025	19.537	19.537		15.000	15.000		1.456	1.456					0	0	1.456	1.456					
18	Nâng cấp các tuyến đường Khu dân cư Bình Đức 1	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8124260	2025-2027	4199/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	9.377	9.377		5.000	5.000		4.000	4.000					0	0	4.000	4.000					
19	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ Ung Văn Khiêm đến điểm cuối Nguyễn Văn Linh hiện hữu)	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8133154	2025-2027	3712/QĐ-UBND 21/4/25	48.458	48.458		32.458	32.458		16.000	16.000					0	0	16.000	16.000					
20	Đường Lê Trọng Tấn (Đoạn tiếp giáp đường Lê Trọng Tấn đến đường Nguyễn Hữu Tiến hiện trạng)	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8132682	2025-2027	4130/QĐ-UBND ngày 05/5/25	37.000	37.000		4.000	4.000		13.500	13.500					0	0	13.500	13.500					
21	Cầu kênh E (ranh Thoại Sơn - Vĩnh Thạnh)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8159157	2026-2028	1765/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	8.361	8.361		250	250		6.111	6.111					0	0	6.111	6.111					
22	Tuyến đường vành đai song song với tuyến ĐT.942	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8070554	2023-2026	1722/QĐ-UBND 24/9/2024	149.802	149.802		70.802	70.802		17.280	17.280					0	0	17.280	17.280					
23	Nâng cấp các đường khu dân cư Tây Sơn (đường Phan Đình Phùng – đường Nguyễn An Ninh – đường số 5 - đường Ranh)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8152088	2025-2027	556/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	5.716	5.716		1.437	1.437		4.279	4.279					0	0	4.279	4.279					
24	Nâng cấp tuyến đường khóm Phú Hữu (từ tỉnh lộ 943 đến Kênh Rạch Giá Long Xuyên)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8152090	2025-2027	557/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	5.977	5.977		1.017	1.017		4.960	4.960					0	0	4.960	4.960					
25	Nâng cấp mở rộng tuyến bờ bắc Mặc Cần Dện	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8152757	2025-2027	558/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	11.426	11.426		3.676	3.676		7.750	7.750					0	0	7.750	7.750					
26	Nâng cấp tuyến đường bờ đông kênh Núi Chóc - Năng Gù (Đoạn từ UBND xã Mỹ Phú Đông đến kênh Trường Tiền)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8153279	2025-2027	560/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	7.372	7.372		2.412	2.412		4.960	4.960					0	0	4.960	4.960					
27	Tuyến ĐH.12 (cầu Bình Hòa-ranh Tri Tôn)	Châu Thành (AG)	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7950343	2022-2026	2720/QĐ-UBND 17/11/2021; 516/QĐ-UBND 09/4/2025; số 1225/QĐ-UBND ngày 03/4/2026	74.869	74.869		28.895	28.895		8.809		8.809				0	0	8.809			8.809			
28	Tuyến ĐH.03 (cầu Trà Can - Bình Chánh)	Châu Thành (AG)	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8026698	2023-2026	300/QĐ-UBND 15/3/2023; 979/QĐ-UBND 13/6/2025; số 1224/QĐ-UBND ngày 03/4/2026	21.995	21.995		17.569	17.569		4.000			4.000			0	0	4.000			4.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm (-)	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác					Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
29	Nâng cấp đường tỉnh 949	phường Tịnh Biên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7583503	2021-2026	1103/QĐ-UBND 26/5/2021; 313/QĐ-UBND 11/3/2025; 311/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh	743.198	743.198		683.198	683.198		60.000		60.000				0	0	60.000			60.000			
30	Xây dựng đường lộ sau từ ranh phường Long Sơn đến ranh xã Phú Lâm	xã Phú Lâm	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8074684	2024-2026	141/QĐ-UBND 24/01/2024; 2280/QĐ-UBND 20/5/2026	20.564	8.818	11.746	12.119		12.119	7.718	7.718					0	0	7.718	7.718					
31	Dự án: Đường số 8 và Đường số 15 -Khu quy hoạch Bắc Hà Hoàng Hổ	Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7880766	2022-2026	348/QĐ-SXD 05/8/2021; 341/QĐ-SXD 05/9/2022; 16/QĐ-SXD 10/01/2024; 45/QĐ-SXD 20/01/2025; Số 1441/QĐ-UBND, 22/4/2026	12.278	12.278		637	637		10.461	10.461					0	0	10.461	10.461					
32	Nâng cấp đường Trần Văn Ơn, Đặng Thúc Liêng	Phường Mỹ Thới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100149	2024-2026	11108/QĐ-UBND 13/12/2024	7.419	7.419		1.729	1.729		4.400	4.400					0	0	4.400	4.400					
33	Tuyến đê Đông kênh 11 (từ kênh Cây Dương đến kênh Quốc Gia)	Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8070355	2023-2026	418/QĐ-UBND ngày 07/03/2024	22.949	22.949		994	994		10.000	10.000					0	-10.000	-						
34	Tuyến đường Kênh E	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8047075	2023-2026	1453/QĐ-UBND 11/9/2023; 2178/QĐ-UBND 29/12/2023; 1315/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	70.657	70.657		17.839	15.657	2.182	3.600	3.600					0	0	3.600	3.600					
35	Cải tạo mặt đường Vàm Cái Hố	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8143666	2023-2026	851/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	1.023	1.023	-	342		342	681	681					0	0	681	681					
36	Nâng cấp tuyến đường cầu Khai Long dưới ấp Tây Thượng	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8147656	2023-2026	854QĐ-UBND ngày 10/4/2025; số 4604/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của UBND tỉnh	1.201	795	406	406		406	795	795					0	0	795	795					
37	Đầu tư xây dựng công trình đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên	Phường Tô Châu	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8078477	2025-2027	số 175/QĐ-UBND ngày 20/01/2025; số 2053/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh	1.400.000	1.400.000		407.005	407.005		120.988			120.988			0	-40.000	80.988			80.988			
38	Dự án Đường kết nối đê bao ven biển với cầu thứ Ba	xã An Biên; xã Tây Yên	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7950414	2022-2026	số 4284/QĐ-UBND, 22/11/2022 của UBND huyện An Biên.	497.000	74.504	422.496	422.496		422.496	74.500		44.245	30.255			0	0	74.500			74.500			
39	Dự án đầu tư xây dựng cầu Ba Hồ xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc, huyện Gò Quao	xã Vĩnh Hoà Hưng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8083058	2024-2027	số 4284/QĐ-UBND ngày 21/11/2022; số 1810/QĐ-UBND ngày 27/02/2023; số 6219/QĐ-UBND ngày 06/11/2023; số 5100/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND huyện An Biên	149.723	149.723		82.705	82.705		31.000			31.000			0	0	31.000			31.000			
40	Đường Tám Thước, huyện Kiên Lương	xã Kiên Lương; xã Hòa Điền	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8094845	2023-2027	Số 5381/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND huyện Kiên Lương	400.000	400.000		3.855	3.855		64.334	64.334					0	0	64.334	64.334					
41	Đầu tư xây dựng công trình đường ven sông Cái Lớn (trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận)	xã Vĩnh Bình	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7944966	2022-2026	số 1447/QĐ-UBND ngày 29/7/2022; số 1382/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND huyện Vĩnh Thuận; số 266/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh An Giang	535.883	196.883	339.000	339.000		339.000	96.832	38.266	58.566				0	0	96.832	76.869		14.556	5.407		
42	Cầu kênh 3, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	xã Thạnh Đông	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8123817	2024-2026	Số 6673/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND huyện Tân Hiệp	115.000	115.000		40.000	40.000		45.000	-	45.000				0	0	45.000	-	45.000				
43	Dự án ĐTXD công trình đường tuyến tránh thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành	xã Châu Thành	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8113544	2024-2027	Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 08/01/2025 của UBND huyện Châu Thành	231.700	231.700		2.500	2.500		32.887	-		32.887			0	0	32.887	-		32.887			
44	Dự án ĐTXD công trình đường Lâm Quang Ky, huyện Châu Thành	xã Châu Thành; xã Bình An	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8113543	2024-2026	Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 08/01/2025 của UBND huyện Châu Thành	79.900	79.900		31.044	31.044		30.856	-		30.856			0	0	30.856	-		30.856			
45	Nâng cấp, mở rộng đường huyện Thạnh Lộc ĐH.44	xã Thạnh Hưng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8127237	2024-2026	16147/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND huyện Giồng Riềng	50.000	50.000	-	20.000	20.000		15.060			15.060			0	0	15.060			15.060			
46	Dự án ĐTXD công trình bờ kè khu đô thị thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành	xã Châu Thành	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8113545	2024-2026	Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 08/01/2025 của UBND huyện Châu Thành	75.000	75.000		31.100	31.100		32.172			32.172			0	-5.000	27.172			27.172			
47	Đường kênh 4000 kênh 1 - Lò Rèn xã Tân Thuận	Xã Vĩnh Thuận	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8151000	2025-2026	1424/QĐ-UBND ngày 17/4/2025 của UBND huyện Vĩnh Thuận	6.200	6.200		5.300	5.300		900		900				0	0	900		900				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm (-)	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
48	Đường Lô 8 xã Vĩnh Bình Bắc	Xã Vĩnh Bình	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8151002	2025-2026	1425/QĐ-UBND ngày 17/4/2025 của UBND huyện Vĩnh Thuận	12.700	12.700		4.299	4.299		8.401			8.401			0	0	8.401			8.401			
49	Đường số 5 Khu trung tâm hành chính huyện	U Minh Thượng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8128712	2024-2026	5377/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND huyện U Minh Thượng	12.746	12.746		10.877	10.877		46			46			0	0	46			46			
50	Đường số 6 Khu trung tâm hành chính huyện	xã U Minh Thượng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8149691	2024-2026	số 1729/QĐ-UBND ngày 18/4/2025 của UBND huyện U Minh Thượng	15.000	15.000		12.951	12.951		1.257			1.257			0	0	1.257			1.257			
51	Đường Kênh Ba Sến, xã Thạnh Yên	Xã Vĩnh Hòa	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8137700	2025-2026	976/QĐ-UBND ngày 18/03/2025 của UBND huyện U Minh Thượng	1.790	1.790		1.420	1.420		50			50			0	0	50			50			
52	Đường Kênh Xẻo Cạn - Bờ Dừa (từ cầu xã Thạnh Yên đến Cầu kênh Lộ Mới)	xã Vĩnh Hòa	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8142534	2025-2027	967/QĐ-UBND ngày 17/03/2025 của UBND huyện U Minh Thượng	27.530	27.530		10.500	10.500		12.030			12.030			0	0	12.030			12.030			
53	Đường Liên xã Tân Thuận-Vĩnh Thuận (kênh Làng Thứ Bảy -kênh 3)	xã Vĩnh Thuận	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8158528	2025-2027	1158A/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND huyện Vĩnh Thuận	77.733	77.733		4.230	4.230		27.730			27.730			0	0	27.730			27.730			
54	Đường Liên xã Thị trấn Vĩnh Thuận- Vĩnh Phong (Phạm Thành Lượng-kênh Một Hàng)	xã Vĩnh Phong	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8158530	2025-2027	1159A/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND huyện Vĩnh Thuận	51.700	51.700		1.070	1.070		21.700			21.700			0	-5.000	16.700			16.700			
55	Đường liên xã Vĩnh Bình Nam-Vĩnh Bình Bắc (Bình Phong -Vĩnh Bình Bắc ĐH 62)	xã Vĩnh Bình	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8158529	2025-2027	1160A/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND huyện Vĩnh Thuận	70.400	70.400		1.297	1.297		20.400			20.400			0	-15.000	5.400			5.400			
56	Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7768577	2019-2026	số 2233/QĐ-UBND ngày 30/9/2019, số 2497/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, số 461/QĐ-UBND ngày 22/02/2023; số 2103/QĐ-UBND ngày 25/11/2025; số [illegible]	409.993	409.993		251.955	251.955		157.400	157.400					0	0	157.400	157.400					
57	Đường trục D3 huyện Vĩnh Thuận	Vĩnh Thuận	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8076985	2023-2026	5060/QĐ-UBND ngày 06/12/23 của UBND huyện Vĩnh Thuận; số 694/QĐ-UBND ngày 25/8/2025; số 418/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh	80.000	80.000		32.149	32.149		45.000	45.000					0	-10.000	35.000	35.000					
58	Dự án Cầu tuyến kênh Chống mỹ - Cầu tuyến Bờ tây sông xáng Xẻo rô	xã An Minh, Long Hòa, Vân Khánh, Đông Hưng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8109732	2024-2026	Số 8697/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND huyện An Minh	35.000	35.000	-	29.800	29.800	-	5.000		5.000				0	0	5.000			5.000			
59	Dự án Đường TĐ8	Xã Kiên Lương	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8128996	2024-2026	số 5673/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND huyện Kiên Lương	8.710	8.710		4.322	4.322		3.510			3.510			0	0	3.510			3.510			
60	Dự án Đường bờ đông Kênh 502	Xã Kiên Lương	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8126887	2024-2026	số 5671/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND huyện Kiên Lương	4.999	4.999		2.018	2.018		2.399			2.399			0	0	2.399			2.399			
61	Tuyến đường kênh Xẻo Bè (mở rộng)	xã Hòa Hưng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8142241	2025-2026	Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 của UBND huyện Giồng Riềng	4.800	4.800		1.103	1.103		3.690	3.690					0	0	3.690	3.690					
62	Dự án đường kênh Rạch Giá - Long Xuyên phía bờ Nam và các cầu trên tuyến, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	xã Tân Hội	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8101465	2024-2026	Quyết định số 6063/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của UBND huyện Tân Hiệp	50.000	50.000		23.142	23.142		19.500		19.500				0	0	19.500			19.500			
63	Dự án đường Rạch Đinh, xã Vĩnh Phong	xã Vĩnh Phong	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2024-2026	Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND huyện Vĩnh Thuận	14.985	14.985		7.827	7.827		7.157	7.157					0	0	7.157	7.157					
64	Đầu tư xây dựng đường ven biển phía tây đảo Phú Quốc	đặc khu Phú Quốc	UBND đặc khu Phú Quốc	8078476	2025-2029	số 384/QĐ-UBND ngày 15/02/2025; số 1932/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh	3.200.000	3.200.000		14.172	14.172		7.525			7.525			0	0	7.525			7.525			
65	Đường bờ Đông kênh Kiên Hảo (kênh Đập Đá - ranh An Giang)	xã Mỹ Thuận	UBND Xã Mỹ Thuận	8115619	2024-2026	9742/QĐ-UBND ngày 10/10/2024; 10854/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của UBND huyện Hòn Đất	8.842	8.842		7.440	7.440		1.402	1.402					0	0	1.402	1.402					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm (-)							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
66	Cầu kênh 200 (Đường 281B thuộc khu phố Sư Nam)	xã Hòn Đất	UBND Xã Hòn Đất	8115620	2024-2026	9743/QĐ-UBND ngày 10/10/2024; 10851/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của UBND huyện Hòn Đất	2.793	2.793		2.368	811	1.557	222	222					0	0	222	222					
III	**Ngành/Lĩnh vực Nông nghiệp - Môi trường**						**7.189.392**	**4.720.158**	**2.469.234**	**2.943.819**	**1.751.881**	**1.191.938**	**1.308.170**	**270.287**	**795.180**	**155.503**	**0**	**87.200**	**0**	**-318.741**	**989.429**	**251.287**	**71.540**	**315.059**	**351.543**	**0**	
1	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc dự án SFDP.	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8015599	2024-2028	Số 2169/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang; 243/QĐ-UBND ngày 14/7/2025	623.725	163.725	460.000	15.150	15.150		88.744		1.544			87.200	0	-87.200	1.544				1.544		
2	Xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện An Biên-An Minh-U Minh Thượng-Vĩnh Thuận.	Gò Quao, An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận.	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	7950375	2023-2026	số 3358/QĐ-UBND, 30/12/2022; số 912/QĐ-UBND, 17/4/2024; số 1979/QĐ-UBND, 08/7/2024; số 1438/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của UBND tỉnh;	809.216	375.809	433.407	538.407	105.000	433.407	270.000		114.497	155.503			0	-120.000	150.000			150.000			
3	Dự án đầu tư xây dựng 03 cống Đầm Chích, Phú Mỹ, Xẻo Nhàu	xã An Minh, Giang Thành	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8080233	2023-2026	Số 2636/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	600.000	600.000		378.800	378.800		221.000		221.000				0	-65.422	155.578				155.578		
4	Dự án Kè chống sạt lở kết hợp bãi thải nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du	đặc khu Kiên Hải	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8080232	2023-2026	Số 2327/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	430.000	430.000		254.244	254.244		175.750		175.750				0	-20.000	155.750				155.750		
5	Xây dựng tuyến đường vành đai bao quanh Vườn Quốc gia Phú Quốc giai đoạn 1	đặc khu Phú Quốc	Vườn Quốc gia Phú Quốc, tỉnh An Giang	8085294	2024-2026	Số 57/QĐ-BQLKKTPQ ngày 12/3/2025 của BQL KKT PQ	62.236	62.236		22.398	22.398		38.830		38.830				0	-7.119	31.711				31.711		
6	Dự án Bảo vệ, phát triển và phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8013468	2021-2026	Quyết định số 3335/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 17/5/2023; Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 ; Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày	73.540	13.540	60.000	18.650		18.650	13.540		13.540				0	0	13.540			13.540			
7	Dự án Phòng chống xâm thực, xói lở bờ biển đoạn Thứ Hai - Xẻo Bần thuộc An Biên - An Minh, tỉnh Kiên Giang.	xã An Biên - An Minh, tỉnh Kiên Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8072699	2023-2026	565/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 và số 2119/QĐ-UBND ngày 26/11/2025; số 1261/QĐ-UBND ngày 07/4/2026	242.761	48.947	193.814	193.814		193.814	48.947	48.947					0	0	48.947	48.947					
8	Dự án Đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	xã An Biên, An Minh, Châu Thành, Kiên Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	7814373	2019-2026	Số 2516/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; số 2281/QĐ-UBND ngày 13/9/2022; số 2660/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 số 3325/QĐ-UBND ngày 21/12/2023; số 1860/QĐ-UBND ngày	822.723	313.698	509.025	619.664	172.635	447.029	25.460	25.460					0	0	25.460	25.460					
9	Cụm công trình thủy lợi vùng cao Bảy Núi	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7867590	2023-2026	4621/QĐ-UBND-TCTL 30/11/2022; số 4233/QĐ-BNN-TL ngày 13/10/2023	516.300	65.800	450.500	10.000	10.000		33.500	33.500					0	0	33.500	33.500					
10	Gia cố sạt lở tuyến kênh Chắc Cà Đao (bờ Bắc và bờ Nam - giai đoạn 2)	xã An Châu	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8103637	2024-2026	*1285/QĐ-UBND 20/8/2024*	75.519	75.519		6.619	6.619		44.000	44.000					0	-9.000	35.000	35.000					
11	Đầu tư mới hạ tầng kỹ thuật Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý rác thải Phú Thạnh, Phú Tân (200 tấn/ngày)	xã Chợ Vàm	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8142581	2025-2027	số 617/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh	35.385	35.385		300	300		281	281					0	0	281	281					
12	Kè chống sạt lở bảo vệ thành phố Châu Đốc thích ứng với biến đổi khí hậu (đoạn từ Công viên 30/4 - khách sạn Victoria)	Châu Đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8055801	2025-2026	607/QĐ-UBND ngày 12/02/2025	222.197	222.197		-			42.000	42.000					0	-10.000	32.000	32.000					
13	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đê Đông kênh Xã Đội (đoạn từ Cầu xã đội đến kênh Chín Kẹo)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8106061	2025-2026	1983/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	26.204	26.204		12.704	12.704		13.500	13.500					0	0	13.500	13.500					
14	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải cụm tuyến dân cư Mỹ An 2	xã Mỹ Hoà Hưng	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100714	2024-2026	2743/QĐ-UBND 25/3/2025	5.900	5.900		565	565		4.990	4.990					0	0	4.990	4.990					
15	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải cụm tuyến dân cư Mỹ Khánh 2	xã Mỹ Hoà Hưng	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100621	2024-2026	2742/QĐ-UBND 25/3/2025	10.008	10.008		759	759		8.741	8.741					0	0	8.741	8.741					
16	Gia cố đê, kết hợp nâng cấp mặt đường Đông kênh Cống Vong (Giai đoạn 01)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8152087	2025-2027	555/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	3.298	3.298		298	298		3.000	3.000					0	0	3.000	3.000					
17	Khu tái định cư phường Núi Sam	Châu đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8107527	2024-2026	1469/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	26.651	26.651		6.206	6.206		14.700	14.700					0	0	14.700	14.700					
18	Cải tạo, sử dụng Ô chôn lấp hợp vệ sinh số 02 – Khu xử lý rác thải Kênh 10 – Châu Đốc	Châu đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8141384	2025-2026	3614/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	50.508	50.508		890	890		10.600		10.600				0	0	10.600			10.600			
19	Tạo quỹ đất và đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7940215	2021-2026	số 1068/QĐ-UBND, 23/5/2022; số 1831/QĐ-UBND, 10/11/2025	118.511	118.511		45.000	22.500	22.500	22.500		22.500				0	0	22.500		15.540		6.960		
20	Dự án Bố trí ổn định dân cư di dân tự do, biên giới khu vực lộ 20, xã An Nông	phường Tịnh Biên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7845246	2020-2026	số 2246/QĐ-UBND, 22/9/2020; số 2606/QĐ-UBND, 08/11/2021; số 914/QĐ-UBND, 06/05/2022; số 2874/QĐ-UBND, 30/11/2022; số 2202/QĐ-UBND, 20/12/2023; số	109.519	30.746	78.773	15.500	15.500		10.921	10.921					0	0	10.921	10.921					
21	Đầu tư Kiểm soát lũ Tây sông Hậu, tỉnh An Giang	các xã: Vĩnh An, Vĩnh Hanh, Tây Phú, Óc Eo, Định Mỹ	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7602627	2017-2026	số 320/QĐ-UBND, 09/02/2018; số 618/QĐ-UBND, 26/3/2021; số 857/QĐ-UBND, 27/4/2022; số 3065/QĐ-UBND, 19/12/2022; số 1089/QĐ-UBND, 09/7/2024; số	352.070	171.770	180.300	-			22.000		22.000				0	0	22.000			22.000			
22	Công trình Xử lý sạt lở bờ rạch Ông Chưởng trên Tỉnh lộ 946 thuộc ấp Long Quới II, xã Long Điền, tỉnh An Giang	Xã Long Điền	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8161843	2025-2026	QĐ 1022/QĐ-UBND ngày 20/6/2025; QĐ 441/QĐ-UBND ngày 05/8/2025	18.500	18.500		3.782	3.782		4.738		4.738				0	0	4.738			4.738			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm (-)	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác					Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
23	Công trình Xử lý sạt lở bờ rạch Ông Chưởng trên Tỉnh lộ 946 thuộc tổ 20, ấp Long Định, xã Long Kiến, tỉnh An Giang	Xã Long Kiến	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8161844	2025-2026	QĐ 1021/QĐ-UBND ngày 20/6/2025; QĐ 440/QĐ-UBND ngày 05/8/2025	22.500	22.500		15.095	15.095		4.236		4.236				0	0	4.236			4.236			
24	Gia cố tạm thời sạt lở đê kênh Thầy cai đường nhựa (đoạn gần nhà ông Nguyễn Văn Tòng)	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8143665	2025-2026	888/QĐ-UBND ngày 15/4/2025; 740/QĐ-UBND ngày 02/3/2026	400	400		-			147	147					0	0	147	147					
25	Khu sắp xếp, ổn định dân cư huyện An Phú	Xã An Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8138745	2024-2026	1054/QĐ-UBND ngày 08/04/2025; số 4585/QĐ-UBND ngày 06/10/2026 của UBND tỉnh	59.996	59.996		34.014	34.014		25.982		25.982				0	0	25.982			25.982			
26	Dự án bố trí ổn định dân cư di dân tự do, thiên tai khu vực ấp Thạnh Phú, xã Khánh An	xã Khánh An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7835381	2022-2026	1588/QĐ-UBND 07/7/2020; 1993/QĐ-UBND 24/8/20202; 1174/QĐ-UBND 08/6/2022; 2148/QĐ-UBND 28/12/2023	114.906	11.491	103.415	88.029	11.491	76.538	21.000		21.000				0	0	21.000			21.000			
27	Dự án chống sạt lở bờ biển bảo vệ trung tâm hành chính xã Sơn Hải, huyện Kiên Lương	Xã Sơn Hải	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8092247	2024-2027	Số 3222/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Kiên Lương	432.686	432.686		4.364	4.364		1.963		1.963				0	0	1.963			1.963			
28	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	Tỉnh An Giang	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang	7660880	2015-2026	số 2328/QĐ-UBND, ngày 01/10/2013; 2212/QĐ-UBND, ngày 23/10/2017; 1323/QĐ-UBND, 31/5/2022; số 2593/QĐ-UBND, 20/10/2022; 890/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của UBND tỉnh	755.022	755.022	-	429.403	429.403	-	56.000		56.000				0	0	56.000		56.000				
29	Đầu tư mới trạm cấp nước ấp Bình Minh	xã Vĩnh Bình	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh An Giang	8064511	2023-2026	2891/QĐ-UBND 21/11/2023 1056/QĐ-UBND 30/3/2026	29.991	29.991		26.691	26.691		3.300	3.300					0	0	3.300	3.300					
30	Đầu tư mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính thuộc dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn	Tỉnh An Giang	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh An Giang	8022752	2023-2026	2892/QĐ-UBND 21/11/2023; 155/QĐ-UBND 13/01/2026	73.880	73.880		71.473	71.473		1.800	1.800					0	0	1.800	1.800					
31	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Hưng, huyện An MInh	An Minh	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh An Giang	8139340	2025-2026	842/QĐ-UBND 26/3/2025; 103/QĐ-UBND 10/01/2026	34.240	34.240		-			15.000	15.000					0	0	15.000	15.000					
32	Kè và san lấp mặt bằng sau kè thuộc dự án Kè chống sạt lở, tạo quỹ đất khu 16ha	Phường Rạch Giá	UBND phường Rạch Giá	8073709	2023-2026	100/QĐ-UBND 01/02/2024; 18/QĐ-UBND 16/7/2025 của UBND P. Rạch Giá	431.000	431.000		131.000	131.000		61.000		61.000				0	0	61.000			61.000			
IV	**Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**						**2.619.906**	**2.565.749**	**54.157**	**953.460**	**897.234**	**50.592**	**677.056**	**0**	**0**	**677.056**	**0**	**0**	**0**	**-40.700**	**636.356**	**0**	**0**	**636.356**	**0**	**0**	
1	Trường MG Tân Phú điểm chính (Tân Lợi)	xã Vĩnh An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8071399	2023-2026	63/QĐ-UBND 05/01/2024; 772/QĐ-UBND 13/5/2024; 2138/QĐ-UBND 30/12/2024; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	25.382	22.606	2.776	6.403	3.627	2.776	10.000			10.000			0	0	10.000			10.000			
2	Trường TH A Vĩnh An điểm chính (Vĩnh Quới)	xã Vĩnh An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8037332	2023-2026	1122/QĐ-UBND 13/7/2023; 771/QĐ-UBND 13/5/2024; 1671/QĐ-UBND 13/10/2024; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	37.735	35.126	2.609	26.943	24.334	2.609	8.021			8.021			0	0	8.021			8.021			
3	Trường MG Lạc Quới (Vĩnh Thuận)	Tri Tôn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8101684	2024-2026	1249/QĐ-UBND ngày 14/8/2024; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	30.119	28.981	1.138	12.003	10.865	1.138	12.000			12.000			0	0	12.000			12.000			
4	Trường THCS Cái Dầu	Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7900455	2024-2026	188/QĐ-SXD 24/4/2023; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	12.333	11.638	695	8.256	7.561	695	1.277			1.277			0	0	1.277			1.277			
5	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện An Phú	Xã An Phú, Vĩnh Hậu, Nhơn Hội, Khánh	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7961663	2024-2027	1080/QĐ-UBND 04/7/2024; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	200.959	198.105	2.854	7.623	4.769	2.854	60.700			60.700			0	-20.700	40.000			40.000			
6	Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	xã An Châu	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7909627	2023-2026	1011/QĐ-UBND 28/6/2023	61.417	61.417		34.249	34.249		18.500			18.500			0	0	18.500			18.500			
7	Trường THPT Vĩnh Bình	xã Vĩnh An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7892867	2024-2026	2376/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	27.470	27.470		14.600	14.600		4.156			4.156			0	0	4.156			4.156			
8	Trường THCS Vĩnh Hanh	Vĩnh Hanh	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7977068	2024-2027	2309/QĐ-UBND 15/9/2022; 767/QĐ-UBND 04/3/2026; số 1331/QĐ-UBND, 13/4/2026; số 4188/QĐ-UBND, 07/9/2026	44.256	44.256		300	300		8.100			8.100			0	0	8.100			8.100			
9	Trường THCS Hòa Bình Thạnh điểm chính (Hòa Thạnh)	xã An Châu	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7988714	2024-2026	2697/QĐ-UBND 08/11/2022; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	53.348	53.339	9	14.137	14.128	9	18.400			18.400			0	0	18.400			18.400			
10	Trường THCS Bình Thạnh	xã Bình Hòa	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8006139	2024-2026	3128/QĐ-UBND 26/12/2022	42.261	42.261		3.065	3.065		2.000			2.000			0	0	2.000			2.000			
11	Trường THCS Vĩnh Lợi	xã Cần Đăng	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8027342	2024-2026	474/QĐ-UBND 13/4/2023; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	25.101	24.262	839	14.975	14.136	839	6.025			6.025			0	0	6.025			6.025			
12	Trường THCS Vĩnh An	xã Vĩnh An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8028963	2024-2026	715/QĐ-UBND 24/5/2023; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	30.051	29.551	500	16.957	16.457	500	9.802			9.802			0	0	9.802			9.802			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm (-)	TỔNG SỐ	Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
13	Trường THPT Cần Đăng	xã Cần Đăng	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7929817	2024-2026	1204/QĐ-UBND 01/8/2024	28.822	28.822	-	12.635	12.635		13.540			13.540			0	0	13.540			13.540			
14	Trường THCS Phú Thọ	Xã Phú An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7919109	2023-2026	2170/QĐ-UBND 21/9/2021; 1944/QĐ-UBND 03/8/2022; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	72.431	68.241	4.190	55.164	50.974	4.190	2.000			2.000			0	0	2.000			2.000			
15	Trường Mầm non Phú Mỹ	Xã Phú Tân	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8020679	2023-2027	2149/QĐ-UBND 28/12/2023; 299/QĐ-UBND 21/01/2026; 767/QĐ-UBND 04/3/2026; 3431/QĐ-UBND 18/7/2026	67.873	66.346	1.527	1.827	300	1.527	14.000			14.000			0	-10.000	4.000			4.000			
16	Trường THCS Tân Trung	Xã Phú Tân	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7988773	2024-2026	2174/QĐ-UBND 29/12/2023; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	33.251	31.814	1.437	12.352	10.915	1.437	15.654			15.654			0	0	15.654			15.654			
17	Trường THCS Long Hòa	Xã Phú Lâm	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7988727	2024-2026	1779/QĐ-UBND 19/11/2024; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	19.982	19.182	800	4.469	3.669	800	9.730			9.730			0	0	9.730			9.730			
18	Trường tiểu học C Quốc Thái điểm phụ (Đồng Ky)	Xã Nhơn Hội	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8171609	2025-2027	2068/QĐ-UBND 20/11/2025; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	4.456	4.456		-			3.150			3.150			0	0	3.150			3.150			
19	Trường mẫu giáo Quốc Thái điểm chính (Đồng Ky)	Xã Nhơn Hội	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8171608	2025-2027	2379/QĐ-UBND 17/12/2025	26.530	26.530	-	461	461		3.035			3.035			0	0	3.035			3.035			
20	Trường mẫu giáo Quốc Thái điểm phụ (Đồng Ky)	Xã Nhơn Hội	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8152086	2025-2027	799/QĐ-UBND 19/5/2025; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	2.936	2.936	-	500	500		2.273			2.273			0	0	2.273			2.273			
21	Trường THCS Nguyễn Văn Tây	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7878492	2025-2028	2920/QĐ-UBND, 02/12/2022; số 4721/QĐ-UBND, 15/10/2026 của UBND tỉnh	100.479	100.479		1.836	862	974	1.000			1.000			0	0	1.000			1.000			
22	Trường THCS Lê Hưng Nhượng	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7928751	2024-2026	3307/QĐ-UBND 31/12/2021; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	32.382	30.582	1.800	10.868	9.068	1.800	11.900			11.900			0	0	11.900			11.900			
23	Trường THCS Dương Bình Giang	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7879482	2024-2026	3309/QĐ-UBND 31/12/2021; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	28.642	27.578	1.064	9.614	9.614		6.460			6.460			0	0	6.460			6.460			
24	Trường THCS Hoàng Hiệp	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7879491	2024-2026	3308/QĐ-UBND 31/12/2021; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	30.458	29.138	1.320	8.493	7.173	1.320	8.460			8.460			0	0	8.460			8.460			
25	Trường THCS Phan Thành Long	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7910642	2024-2026	3140/QĐ-UBND 27/12/2022	29.498	21.694	7.804	2.987	387	2.600	5.000			5.000			0	0	5.000			5.000			
26	Trường THCS Nguyễn Kim Nha	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7952966	2024-2026	716/QĐ-UBND 13/4/2022; 764/QĐ-UBND 13/5/2025; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	19.312	18.731	581	775	194	581	3.600			3.600			0	0	3.600			3.600			
27	Trường THCS Long Giang	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7883349	2024-2026	3311/QĐ-UBND 31/12/2021; 767/QĐ-UBND 04/3/20261	27.856	27.652	204	6.426	6.132	294	6.370			6.370			0	0	6.370			6.370			
28	Trường THCS Tân Tuyến	Tri Tôn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7962754	2024-2026	711/QĐ-UBND 13/4/2022; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	38.829	36.763	2.066	27.746	25.680	2.066	3.371			3.371			0	0	3.371			3.371			
29	Trường THCS Lạc Quới	Tri Tôn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8036874	2024-2026	1104/QĐ-UBND 12/7/2023; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	38.818	36.781	2.037	19.552	17.515	2.037	11.300			11.300			0	0	11.300			11.300			
30	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Tịnh Biên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7929115	2024-2026	3292/QĐ-UBND 31/12/2021; 1624/QĐ-UBND 22/10/2024; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	39.919	39.601	318	1.148	830	318	21.380			21.380			0	0	21.380			21.380			
31	Xây dựng 08 phòng học và thiết bị công trình Trường trung học phổ thông Chi Lăng	Tịnh Biên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8080817	2024-2026	482/QĐ-SXD 23/10/2024	9.429	9.429		5.389	5.389		2.600			2.600			0	0	2.600			2.600			
32	Trường THPT Huỳnh Thị Hưởng	Xã Hội An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7909626	2023-2026	3306/QĐ-UBND 31/12/2021; 346/QĐ-UBND 28/07/2025	85.969	85.969		28.500	28.500		18.500			18.500			0	0	18.500			18.500			
33	Trường THPT Lương Văn Cù	Xã Nhơn Mỹ	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7865904	2024-2026	2029/QĐ-UBND 01/9/2021; 2715/QĐ-UBND 17/11/2021	44.154	44.154		30.036	30.036		12.318			12.318			0	0	12.318			12.318			
34	Trường THPT Võ Thành Trinh	Xã Hội An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7890574	2024-2026	2307/QĐ-UBND 08/10/2021; 2792/QĐ-UBND 22/11/2021; 916/QĐ-UBND 09/09/2025	32.699	32.699		17.080	17.080		7.000			7.000			0	0	7.000			7.000			
35	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường giai đoạn 2021–2025 trên địa bàn huyện Châu Thành	Châu Thành (AG)	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8034288	2023-2026	1166/QĐ-UBND 07/6/2022; 145/QĐ-UBND 13/02/2023; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	15.378	14.889	489	979	490	489	4.100			4.100			0	0	4.100			4.100			
36	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Châu Thành	Châu Thành (AG)	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8036439	2024-2026	1078/QĐ-UBND 07/7/2023; 377/QĐ-UBND 24/3/2025; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	85.584	83.739	1.845	10.511	8.666	1.845	40.282			40.282			0	0	40.282			40.282			
37	Trường THCS Thạnh Mỹ Tây	Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7952968	2023-2026	3264/QĐ-UBND 30/12/2022; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	51.403	48.673	2.730	28.848	28.848		7.580			7.580			0	0	7.580			7.580			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm (-)	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
38	Trường tiểu học Nguyễn Hiền	Châu đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8160421	2025-2026	3286/QĐ-UBND 16/6/2025; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	13.006	13.006		2.527	2.527		7.090			7.090			0	0	7.090			7.090			
39	Trường THCS Nguyễn Trãi (phần xây dựng mới, cải tạo và cung cấp thiết bị)	Châu đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8160480	2025-2026	3287/QĐ-UBND 16/6/2025; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	16.074	16.074	-	2.224	2.224		5.558			5.558			0	0	5.558			5.558			
40	Trường TH A Long An điểm chính (Long Hiệp)	Xã Tân An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8072283	2024-2026	1980/QĐ-UBND 24/04/2025	8.090	8.090		140	140		5.570			5.570			0	0	5.570			5.570			
41	Trường THCS Vĩnh Hòa	Xã Vĩnh Xương	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7901122	2024-2026	2306/QĐ-UBND 08/10/2021; 1895/QĐ-UBND 24/11/2023; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	40.994	40.117	877	926	49	877	16.600			16.600			0	0	16.600			16.600			
42	Trường TH B Vĩnh Phú điểm chính (Trung Phú 3)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8010903	2023-2026	3042/QĐ-UBND 15/12/2022; 2184/QĐ-UBND 02/12/2025	22.661	22.661		9.426	8.344	1.082	10.218			10.218			0	0	10.218			10.218			
43	Trường TH A Vĩnh Khánh điểm chính (ấp Vĩnh Lợi)	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8012538	2023-2026	100/QĐ-UBND 02/02/2023; số 2247/QĐ-UBND ngày 15/5/2026	31.739	31.739		15.192	13.293	1.899	5.000			5.000			0	0	5.000			5.000			
44	Trường TH Võ Trường Toản	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100616	2024-2026	1667/QĐ-UBND 25/02/2025; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	9.212	9.212		5.927	5.927		2.381			2.381			0	0	2.381			2.381			
45	Trường THCS Mỹ Quý	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8098383	2024-2026	1014/QĐ-UBND 11/02/2025; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	25.498	25.498		5.734	5.734	-	10.281			10.281			0	0	10.281			10.281			
46	Trường THCS Phan Văn Trị	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100615	2024-2026	2887/QĐ-UBND 27/3/2025; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	20.119	20.119		1.116	1.116	-	11.000			11.000			0	0	11.000			11.000			
47	Trường TH Phan Chu Trinh	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100618	2024-2026	2741/QĐ-UBND 25/3/2025; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	7.532	7.532		425	425		6.144			6.144			0	0	6.144			6.144			
48	Trường MG Mỹ An điểm chính (Mỹ Long)	xã Mỹ Hòa Hưng	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7879309	2021-2026	3106/QĐ-UBND 28/12/2021; 2240/QĐ-UBND 14/5/2026	28.762	28.762		9.130	9.130		5.000			5.000			0	0	5.000			5.000			
49	Dự án ĐTXD cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn huyện Thoại Sơn giai đoạn 2021-2025	Thoại Sơn	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8048461	2023-2026	1166/QĐ0UBND 07/6/2022; 1523/QĐ-UBND 20/9/2023; 2493/QĐ-UBND 23/12/2025	13.422	13.422		92	92		6.500			6.500			0	0	6.500			6.500			
50	Trường TH Vĩnh Lợi điểm chính (Hòa Lợi 1)	xã Cần Đăng	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8042959	2023-2026	961/QĐ-UBND 12/6/2024; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	41.122	39.480	1.642	8.101	6.459	1.642	27.800			27.800			0	0	27.800			27.800			
51	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Tịnh Biên	Phường Tịnh Biên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7970565	2022-2026	2988/QĐ-UBND 09/12/2022; 1654/QĐ-UBND 17/10/2023; 1782/QĐ-UBND 19/11/2024; 2046/QĐ-UBND 19/11/2025	156.914	156.914		82.733	82.733	-	8.050			8.050			0	0	8.050			8.050			
52	Trường TH Long Hòa điểm chính (Long Hòa 1)	Xã Long Hoà	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8055299	2024-2026	370/QĐ-UBND 14/3/2024; 968/QĐ-UBND 13/06/2025; 767/QĐ-UBND 04/3/2026; số 2801/QĐ-UBND, 16/6/2026	23.159	21.104	2.055	2.527	2.527		6.250			6.250			0	0	6.250			6.250			
53	Trường THCS Phước Hưng	Xã Nhơn Hội	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7961664	2024-2027	2571/QĐ-UBND 19/10/2022; 927/QĐ-UBND 06/6/2024; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	64.154	62.772	1.382	5.453	4.071	1.382	18.000			18.000			0	-10.000	8.000			8.000			
54	Dự án Trường Tiểu học và Trung học cơ sở nội trú Khánh An	tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7981243	2024-2026	1077/QĐ-UBND 07/7/2023; 767/QĐ-UBND 04/3/2026; 1064/QĐ-UBND 30/3/2026	79.027	79.027		37.883	37.883		18.600			18.600			0	0	18.600			18.600			
55	Nâng cấp, mở rộng Trường trung cấp nghề Châu Đốc	Phường Châu Đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2022-2026	2318/QĐ-UBND 01/8/2017; 2163/QĐ-UBND, 10/9/2019; 3084/QĐ-UB 27/12/2021; 607/QĐ-UBND ngày 11/4/2024; QĐ 886/QĐ-UBND ngày 30/5/2025; số 2979/QĐ-UBND, 26/6/2026	74.150	74.150		56.189	50.555		10.800			10.800			0	0	10.800			10.800			
56	Trường mẫu giáo Mỹ Hội Đông điểm chính (Mỹ Đức)	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7906732	2022-2026	1831/QĐ-UBND 20/7/2022; 873/QĐ-UBND 29/5/2025; 2173/QĐ-UBND ngày 11/5/2026	22.418	22.418		13.608	11.949	1.659	5.800			5.800			0	0	5.800			5.800			
57	Trường Tiểu học A Vĩnh Xương điểm chính (Ấp 2)	Xã Vĩnh Xương	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7945434	2022-2026	2737/QĐ-UBND, 17/11/2021; 284/QĐ-UBND, 27/02/2024; 2190/QĐ-UBND, 02/12/2025; 2887/QĐ-UBND, 22/6/2026	23.037	20.537	2.500	19.849	17.349	2.500	1.040			1.040			0	0	1.040			1.040			
58	Trường tiểu học B Vĩnh Hoà điểm chính (Vĩnh Thạnh Đ)	Xã Vĩnh Xương	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7899311	2022-2026	2173/QĐ-UBND 21/9/2021; 195/QĐ-UBND 01/02/2024; 915/QĐ-UBND ngày 08/09/2025; số 2912/QSS-UBND, 24/6/2026	25.892	25.892		22.562	19.062	3.500	1.066			1.066			0	0	1.066			1.066			
59	Trường tiểu học C Mỹ Hội Đông (Mỹ Hòa B)	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7906733	2022-2026	326/QĐ-UBND 23/2/2022; 578/QĐ-UBND 05/4/2024; 798/QĐ-UBND 19/5/2025; 2208/QĐ-UBND ngày 13/5/2026	23.617	20.918	2.699	12.018	11.403	615	5.400			5.400			0	0	5.400			5.400			
60	Trường tiểu học B Mỹ Hội Đông (Mỹ Đức)	Chợ Mới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7878495	2022-2026	3305/QĐ-UBND 31/12/2021; 2094/QĐ-UBND 22/12/2023; 811/QĐ-UBND 21/5/2025; 2209/QĐ-UBND ngày 13/5/2026	27.270	25.900	1.370	17.922	16.184	1.738	2.700			2.700			0	0	2.700			2.700			
61	Trường TH Nguyễn Trung Trực	xã Mỹ Hoà Hưng	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100613	2025-2026	2740/QĐ-UBND 25/3/2025	7.900	7.900		463	463	-	6.537			6.537			0	0	6.537			6.537			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm (-)	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác					Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
62	Trường tiểu học Nguyễn Bỉnh Khiêm	Phường Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8100619	2025-2026	2778/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	5.288	5.288		1.340	1.340	-	3.160			3.160			0	0	3.160			3.160			
63	Nâng cấp, cải tạo Trường TH Trịnh Hoài Đức	Phường Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8015918	2023-2026	Số 11631/QĐ-UBND ngày 27/12/2024; số 2753/QĐ-UBND, 12/6/2026	3.424	3.424		1.661	1.661	-	1.589			1.589			0	0	1.589			1.589			
64	Trường Tiểu học Vĩnh Phong 3, HM: XDM điểm Đập Đá (06 phòng học, nhà vệ sinh, 01 phòng nghỉ giáo viên, sân nền, thoát nước) điểm Tập trung (01 phòng nghỉ giáo viên) + thiết bị	Xã Vĩnh Phong	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8153113	2025-2027	1645/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	7.000	7.000		4.000	4.000		2.850			2.850			0	0	2.850			2.850			
65	Trường TH&THCS Vĩnh Bình Bắc; HM: XDM các phòng, phòng chức năng, phòng hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ + thiết bị	Xã Vĩnh Bình	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8153530	2025-2027	1646/QĐ-UBND; 29/4/25	9.000	9.000		3.471	3.471		5.134			5.134			0	0	5.134			5.134			
66	Trường TH&THCS Vĩnh Bình Nam 1; HM: Xây dựng mới 04 phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ, cải tạo sửa chữa + thiết bị	Xã Vĩnh Bình	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8153531	2025-2027	1647/QĐ-UBND; 29/4/25	7.000	7.000		4.100	4.100		2.100			2.100			0	0	2.100			2.100			
67	Trường Mẫu giáo Vĩnh Phong, HM: Xây dựng mới 02 phòng học; cải tạo sửa chữa 02 phòng, nhà vệ sinh (điểm Đập Đá); cải tạo sửa chữa 05 phòng chức năng (điểm tập trung) + thiết bị	Xã Vĩnh Phong	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8153114	2025-2027	1642/QĐ-UBND, 29/4/25	5.000	5.000		1.948	1.948		2.852			2.852			0	0	2.852			2.852			
68	Trường Mẫu giáo Vĩnh Bình Nam, HM: Xây dựng mới 02 phòng học; cải tạo sửa chữa 02 phòng, hàng rào, , phòng y tế, nhà kho, nhà bếp, mái che + cải tạo sửa chữa + thiết bị	Xã Vĩnh Bình	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8153112	2025-2027	1643/QĐ-UBND; 29/4/25	4.200	4.200		2.063	2.063		2.137			2.137			0	0	2.137			2.137			
69	Trường Mẫu giáo Phong Đông, HM: Xây dựng mới khối phòng hành chính quản trị, phòng giáo dục nghệ thuật và các hạng mục phụ trợ, cải tạo sửa chữa + thiết bị	Xã Vĩnh Phong	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8153529	2025-2027	1644/QĐ-UBND; 29/4/25	5.700	5.700		1.931	1.931		3.269			3.269			0	0	3.269			3.269			
70	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận 1; HM: Xây dựng mới 10 phòng học; Sân nền, hệ thống thoát nước; thiết bị	xã Vĩnh Thuận	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8125457	2024-2026	8947/QĐ-UBND ngày 13/12/2024; số 534/QĐ-SXD ngày 23/6/2026	12.000	12.000		8.477	8.477		3.000			3.000			0	0	3.000			3.000			
71	Trường THCS Minh Lương	xã Châu Thành	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8144425	2025-2026	1523/QĐ-UBND, 18/4/2025	14.800	14.800	-	3.581	3.581		6.290			6.290			0	0	6.290			6.290			
72	Trường THCS Hòa Điền - Điểm chính	xã Hoà Điền	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8120883	2024-2026	5501/QĐ-UBND 29/11/24 của UBND huyện Kiên Lương	5.904	5.904	-	2.206	2.206		3.400			3.400			0	0	3.400			3.400			
73	Dự án Trường THCS thị trấn Thứ 11	xã An Minh	UBND xã An Minh	8062532	2024-2026	7787/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND huyện An Minh	38.000	38.000	-	22.819	22.819		14.000			14.000			0	0	14.000			14.000			
74	Trường Mầm Non Đông Hưng B	xã An Minh	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8124621	2025-2028	số 1338/QĐ-UBND, 19/02/2025 của UBND huyện An Minh;số 2819/QĐ-UBND, 05/6/2025 của UBND huyện An Minh	7.000	7.000	-	4.350	4.350		2.600			2.600			0	0	2.600			2.600			
75	Trường Mầm Non Vân Khánh Đông	xã Đông Hưng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8125454	2025-2027	số 1321/QĐ-UBND, 17/02/2025 của UBND huyện An Minh;	5.500	5.500	-	3.278	3.278		1.200			1.200			0	0	1.200			1.200			
76	Trường mầm non Đông Hưng	Xã An Minh	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8123810	2025-2028	1339/QĐ-UBND ngày 19/2/2025 của UBND tỉnh	7.000	7.000	-	3.700	3.700		2.800			2.800			0	0	2.800			2.800			
77	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang	Xã Long Thạnh	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7992648	2024-2026	Số 128/QĐ-UBND ngày 18/01/2024; số 2310/QĐ-UBND, 21/5/2026 của UBND tỉnh	55.000	55.000		45.000	45.000		10.000			10.000			0	0	10.000			10.000			
78	Dự án Đầu tư Xây dựng Cải tạo, xây mới, mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7948734	2022-2026	số 684/QĐ-UBND ngày 10/3/2022; số 721/QĐ-UBND ngày 15/3/2023; số 161/QĐ-UBND ngày 22/01/2024, số 1735/QĐ-UBND ngày 16/06/2025, số 2701/QĐ-UBND ngày 08/6/2026	20.000	20.000		19.166	19.166		779			779			0	0	779			779			
79	Trường TH và THCS Tân Hiệp B , hạng mục: Xây dựng mới nhà Đa năng + san lấp mặt bằng	xã Tân Hiệp	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8123816	2024-2026	Số 5430/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của UBND huyện Tân Hiệp	3.600	3.600	-	3.095	3.095		43			43			0	0	43			43			
80	Trường TH và THCS Thạnh Đông A , hạng mục: Xây dựng mới nhà Đa năng + san lấp mặt bằng	xã Thạnh Đông	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8125459	2024-2026	Số 5432/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của UBND huyện Tân Hiệp	3.600	3.600	-	2.363	2.363		1.103			1.103			0	0	1.103			1.103			
81	Trường THCS Thạnh Đông , hạng mục: Xây dựng mới nhà Đa năng + san lấp	xã Tân Hiệp	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8125456	2024-2026	Số 5433/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của UBND huyện Tân Hiệp	3.600	3.600	-	1.535	1.535		1.773			1.773			0	0	1.773			1.773			
82	Trường tiểu học Bình Minh, hạng mục: xây dựng mới nhà đa năng (điểm chính) + xây dựng mới 06 phòng học (điểm ngã 6); san lấp, sân nền, hệ thống thoát nước, thiết bị	xã Vĩnh Bình	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8115983	2024-2026	số 5113/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của UBND huyện Vĩnh Thuận	11.000	11.000	-	7.219	7.219		3.780			3.780			0	0	3.780			3.780			
83	Trường tiểu học Thuận Yên	Phường Tô Châu	UBND phường Tô Châu	8065962	2023-2026	2611/QĐ-UBND 12/12/2023; 1106/QĐ-UBND 18/11/2025 của UBND P Hà Tiên	22.999	22.999		16.283	16.283		6.228			6.228			0	0	6.228			6.228			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)							Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm (-)	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác					Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
V	**Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh**						**98.461**	**98.461**	-	**30.000**	**30.000**	-	**30.000**	**30.000**	-	-	-	-	-	**0**	**30.000**	**30.000**	-	-	-	-	
1	dự án Xâu dựng mới, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình thuộc Đại đội kho vũ khí - đạn/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang	Xã Giồng Riềng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang	081100045	2025-2028	Số 119/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh	98.461	98.461		30.000	30.000		30.000	30.000					0	0	30.000	30.000					
VI	**Công an tỉnh**						**107.000**	**107.000**	-	**55.500**	**55.500**	-	**36.500**	**36.500**	-	-	-	-	-	**0**	**36.500**	**36.500**	-	-	-	-	
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khuôn viên trụ sở làm việc Công an tỉnh Kiên Giang	Phường Rạch Giá	Công an tỉnh An Giang	081100051	2025-2026	Số 202/QĐ-UBND ngày 30/6/2025; số 86/QĐ-UBND ngày 21/10/20205; số 34/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của UBND tỉnh	55.000	55.000		37.500	37.500		8.000	8.000					0	0	8.000	8.000					
2	Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực Phường Vĩnh Quang thuộc Công an tỉnh Kiên Giang.	Phường Rạch Giá	Công an tỉnh An Giang	220211135	2024-2026	số 49/QĐ-UBND ngày 05/4/2024; số 165/QĐ-UBND ngày 04/9/2024; số 87/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của UBND tỉnh	52.000	52.000		18.000	18.000		28.500	28.500					0	0	28.500	28.500					
VII	**Ban Chỉ huy Biên Phòng tỉnh**						**88.000**	**88.000**	-	**24.274**	**24.274**	-	**31.505**	**31.505**	-	-	-	-	-	**0**	**31.505**	**31.505**	-	-	-	-	
1	Trạm Kiểm soát Biên phòng Đồi Mồi	Xã Tiên Hải	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang	081100030	2025-2026	Số 2656/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của UBND tỉnh	18.000	18.000		3.904	3.904		8.090	8.090	-	-			0	0	8.090	8.090	-	-			
2	Dự án đồn Biên phòng Xẻo Nhàu	Xã Tân Thạnh	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang	081100013	2023-2027	Số 1857/QĐ-UBND 26/7/2023; số 169/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh	70.000	70.000		20.370	20.370		23.415	23.415					0	0	23.415	23.415					
VIII	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**						**131.608**	**131.608**	-	**97.545**	**97.545**	-	**20.686**	**20.686**	-	-	-	-	-	**0**	**20.686**	**20.686**	-	-	-	-	
1	Hội trường lớn huyện U Minh Thượng	xã U Minh Thượng	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8130120	2024-2026	6189 (30/12/2024)	14.263	14.263	-	7.616	7.616		4.760	4.760					0	0	4.760	4.760					
2	Xây dựng mới nhà làm việc các ban của Tỉnh ủy và Đảng ủy khối các cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh	Phường Rạch Giá	Văn phòng Tỉnh ủy An Giang	8010519	2022-2026	số 3075/QĐ-UBND, 07/12/2022 của UBND tỉnh;	106.019	106.019		87.729	87.729		13.000	13.000					0	0	13.000	13.000					
3	Dự án Nhà làm việc các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8154970	2025-2026	Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 18/6/2025; số 2569/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh	11.326	11.326		2.200	2.200		2.926	2.926					0	0	2.926	2.926					
IX	**LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ, GIA ĐÌNH**						**2.687.095**	**2.405.242**	**281.853**	**1.820.584**	**1.567.590**	**148.970**	**373.495**	-	-	**373.495**	-	-	-	**-6.000**	**367.495**	-	-	**367.495**	-	-	
1	Bệnh viện Mắt -Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt tỉnh An Giang	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7897516	2023-2026	3212/QĐ-UBND 30/12/2022; 991/QĐ-UBND 14/6/2024	367.363	367.363		-			67.000	-	-	67.000	-		0	0	67.000	-	-	67.000	-		
2	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm y tế huyện Châu Phú	Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7985862	2022-2026	367/QĐ-SXD ngày 30/8/2024	6.205	6.205		615	615		500			500			0	0	500			500			
3	Mở rộng khu điều trị nội trú (nội trú 2) Bệnh viện ĐKTTAG	Long Xuyên	Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang	7905785	2024-2027	673/QĐ-UBND 24/4/2024; 1355/QĐ-UBND 30/82024	196.029	63.146	132.883	5.000	5.000		35.000			35.000			0	0	35.000			35.000			
4	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường.	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7742511	2019-2026	2433/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1279/QĐ-UBND ngày 17/5/2023; 2151/QĐ-UBND ngày 25/7/2024; 506/QĐ-UBND ngày 26/02/2025; 1301/QĐ-UBND ngày 07/5/2025; số 1427/QĐ-	1.347.000	1.347.000		1.034.195	1.034.195		188.224			188.224	-		0	0	188.224			188.224	-		
5	Dự án Trung tâm y tế huyện Châu Thành	xã Châu Thành	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8131233	2025-2026	Quyết định số 9749/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND huyện Châu Thành	14.800	14.800	0	492	492	0	10.000			10.000		0	0	0	10.000			10.000		0	
6	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	Xã Vĩnh Phong	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8013545	2022-2026	số 3353/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; số 2308/QĐ-UBND ngày 19/8/2024; số 2008/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của UBND tỉnh; 990/QĐ-UBND 25/3/2026	118.910	19.940	98.970	102.570	3.600	98.970	16.340			16.340			0	-6.000	10.340			10.340			
7	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	xã Giang Thành	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7660260	2017-2026	số 2280/QĐ-UBND, 30/10/2017; số 2040/QĐ-UBND, 18/8/2022; số 1325/QĐ-UBND, 24/5/2023; số 2805/QĐ-UBND, 17/10/2024; số 1303/QĐ-UBND, 07/5/2025; số	235.597	235.597	-	192.140	192.140		43.397			43.397			0	0	43.397			43.397			
8	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	xã Vĩnh Hòa	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7660261	2017-2026	số 2279/QĐ-UBND, 30/10/2017; số 1126/QĐ-UBND, 11/5/2020; số 1244/QĐ-UBND, 20/5/2022; số 1979/QĐ-UBND, 10/8/2022; số 162/QĐ-UBND, 23/01/2024; số	251.700	251.700	-	242.786	242.786		8.874			8.874			0	0	8.874			8.874			
9	Bệnh viện quân dân y tỉnh An Giang	Phường Long Xuyên	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang		2021-2026	2423/QĐ-UBND 30/9/2022; số 4052/QĐ-UBND ngày 27/8/2026 của UBND tỉnh	149.491	99.491	50.000	242.786	88.762	50.000	4.160			4.160			0	0	4.160			4.160			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm (-)						
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
XI	**KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ**						**432.604**	**316.324**	**116.280**	**211.614**	**177.764**	**33.850**	**49.051**	**49.051**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**49.051**	**49.051**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Xuân Tô (giai đoạn 1) (công suất 750m3/ngày.đêm)	Tỉnh Biên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8067920	2024-2026	323/QĐ-UBND, 12/3/2025 của UBND tỉnh	71.811	71.811		10.500	10.500		33.000	33.000					0	0	33.000	*33.000*					
2	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Quốc tế Vĩnh Xương	Xã Tân Châu	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7905197	2021-2026	1068/QĐ-UBND, 30/3/2026; 1342/QĐ-UBND, 21/6/2021; 757/QĐ-UBND, 18/4/2022; 403/QĐ-UBND, 19/3/2024; số 1068/QĐ-UBND, ngày 30/3/2026	243.411	127.131	116.280	97.367	63.517	33.850	15.277	15.277					0	0	15.277	15.277					
3	Dự án hạ tầng tái định cư Vĩnh Xương mở rộng	Xã Vĩnh Xương	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang	7819554	2020-2026	số 2243/QĐ-UBND, 30/9/2021; số 1251/QĐ-UBND, 01/8/2023; số 711/QĐ-UBND, 02/5/2024; số 1271/QĐ-UBND, 07/4/2026	86.412	86.412		77.843	77.843		75	75					0	0	75	75					
4	Dự án hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu thương mại – Dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình (giai đoạn 1, công suất 700m3/ngày đêm)	Xã Khánh Bình	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang	7900262	2021-2026	1070/QĐ-UBND ngày 30/3/2026; 763/QĐ-UBND ngày 10/5/2024, số 727/QĐ-UBND ngày 27/8/2025; số 1070/QĐ-UBND ngày 30/3/2026	30.970	30.970		25.904	25.904		699	699					0	0	699	699					
XII	**LĨNH VỰC VĂN HOÁ; THỂ DỤC THỂ THAO**						**934.847**	**854.847**	**80.000**	**423.367**	**343.367**	**80.000**	**81.617**	**-**	**41.617**	**40.000**	**-**	**-**	**-**	**-9.457**	**72.160**	**-**	**7.617**	**64.000**	**543**	**-**	
1	Xây dựng hệ thống mái che bảo tồn các hố khảo cổ tại khu di tích Óc Eo – Ba Thê	xã Óc Eo	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8160518	2025-2027	1644/QĐ-UBND ngày 23/10/2025	44.020	44.020		20.000	20.000		24.000		24.000				0	0	24.000			24.000			
2	Sân Vận động tỉnh An Giang	Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7910676	2023-2027	số 2249/QĐ-UBND ngày 06/09/2022; số 1305/QĐ-UBND ngày 01/10/2025; 1329/QĐ-UBND ngày 13/04/2026	546.534	546.534		157.661	157.661		10.000		10.000		-		0	-9.457	543				543		
3	Dự án: Tạo quỹ đất xây dựng trung tâm đào tạo huấn luyện và thi đấu thể thao tỉnh An Giang	Phường Long Xuyên	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7910677	2022-2026	số 53/QĐ-SKHĐT ngày 18/03/2022; số 64/QĐ-SKHĐT ngày 25/05/2022; số 08/QĐ-SKHĐT ngày 15/01/2024; số 909/QĐ-UBND ngày 02/06/2025; số 2702/QĐ-UBND ngày	138.185	138.185		124.397	124.397		7.617		7.617				0	0	7.617		7.617				
4	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	7612699	2017-2026	số 2283/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 1051/QĐ-UBND, ngày 28/4/2020; số 944/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh; 1077/QĐ-UBND 30/3/2026	206.108	126.108	80.000	121.309	41.309	80.000	40.000			40.000	-		0	0	40.000			40.000	-		
XII	**Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công để hỗ trợ có mục tiêu cho UBND các xã, phường: An Biên, Tây Yên, Đông Thái và Hà Tiên để thực hiện hoàn thành các dự án chuyển tiếp của cấp huyện (trước sáp nhập) chuyển cho cấp xã**						**576.586**	**576.586**	**-**	**157.992**	**157.992**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**91.638**	**0**	**91.638**	**-**	**-**	**-**	**91.638**	**-**	
1	UBND phường Hà Tiên	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			Công văn số 16579/VP-KT ngày 16/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh	223.132	223.132		73.996	73.996	-	-						60.000	0	60.000				60.000		Công văn số 16579/VP-KT ngày 16/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh
-	Trường THCS Bình San giai đoạn 2	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			4319 20/11/2024	13.742	13.742		10.542	10.542								1.951	0	1.951				1.951		
-	Trí đức học xá - nhà lưu niệm Đông Hồ	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			678 16/4/2025	14.400	14.400		11.090	11.090								500	0	500				500		
-	Nhà tang lễ thành phố Hà Tiên (giai đoạn 2)	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			680 16/04/2025	3.540	3.540		2.800	2.800								596	0	596				596		
-	Đường Tỉnh lộ 28 (đoạn từ cầu Ao Sen đến đường Võ Văn Ý)	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			2151 26/11/2025	14.000	14.000		7.780	7.780								2.000	0	2.000				2.000		
-	Nâng cấp, cải tạo đường Phương Thành (đoạn Mạc Tử Hoàng - Rạch Ụ)	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			2086 29/6/2026	80.000	80.000		9.620	9.620								31.189	0	31.189				31.189		
-	Nâng cấp, cải tạo đường Mương Đào	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			2088 29/6/2026	23.375	23.375		8.536	8.536								6.464	0	6.464				6.464		
-	Cải tạo kênh Đồn Tà (đoạn chân núi Pháo Đài - cống Đồn Tà)	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			449 26/03/2025	8.502	8.502		3.300	3.300								500	0	500				500		
-	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Công Trứ	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			1149 30/05/2025	19.000	19.000		6.300	6.300								5.000	0	5.000				5.000		
-	Đường và cầu kênh Rạch Ụ	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			1148 30/05/2025	15.000	15.000		5.428	5.428								2.500	0	2.500				2.500		
-	Nâng cấp, cải tạo đường Mạc Thiên Tích nối dài và đường số 06	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			2087 29/6/2026	12.873	12.873		4.100	4.100								4.200	0	4.200				4.200		
-	Trồng cây xanh đường Nguyễn Phúc Chu	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			1779 27/10/2025	8.200	8.200		2.000	2.000								1.700	0	1.700				1.700		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm (-)	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác					Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
-	Trồng cây xanh đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên - Kiên Giang	phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên			1780 27/10/2025	10.500	10.500		2.500	2.500								3.400	0	3.400				3.400		
2	UBND xã An Biên	xã An Biên	UBND xã An Biên			Công văn số 17703/VP-KT ngày 28/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh	8.300	8.300	-	5.000	5.000		-						2.100	0	2.100				2.100		Công văn số 17703/VP-KT ngày 28/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh
-	Trường TH Thị trấn Thứ Ba 2 (2024) 10p	Xã An Biên	UBND xã An Biên			7924;11/11/24	8.300	8.300		5.000	5.000								2.100	0	2.100				2.100		
3	UBND xã Tây Yên	xã Tây Yên	UBND xã Tây Yên			Công văn số 17703/VP-KT ngày 28/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh	51.092	51.092		-			-						18.000	0	18.000				18.000		Công văn số 17703/VP-KT ngày 28/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh
-	Trường TH Tây Yên A1	xã Tây Yên	UBND xã Tây Yên			12/QĐ-UBND, 03/01/2025	12.641	12.641											5.000	0	5.000				5.000		
-	Trường TH Tây Yên A2	xã Tây Yên	UBND xã Tây Yên			893/QĐ-UBND; 14/01/2025	9.933	9.933											3.000	0	3.000				3.000		
-	Trường TH Nam Yên 2	xã Tây Yên	UBND xã Tây Yên			25/QĐ-UBND; 07/01/2025	13.618	13.618											5.000	0	5.000				5.000		
-	Trường TH Nam Yên 3	xã Tây Yên	UBND xã Tây Yên			24/QĐ-UBND; 07/10/2025	14.900	14.900											5.000	0	5.000				5.000		
4	UBND xã Đông Thái	xã Đông Thái	UBND xã Đông Thái			Công văn số 17703/VP-KT ngày 28/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh	11.538	11.538		-			-						11.538	0	11.538				11.538		Công văn số 17703/VP-KT ngày 28/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh
-	Dự án trường TH Đông Thái 3 (Điểm chính)	Xã Đông Thái	UBND xã Đông Thái			7934/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND huyện An Biên	11.538	11.538											11.538	0	11.538				11.538		
B	**DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030**						**17.084.638**	**9.391.114**	**7.693.524**	**8.683**	**8.683**	**-**	**1.140.869**	**272.230**	**332.870**	**535.769**	**-**	**-**	**-**	**-332.439**	**808.430**	**399.900**	**1.200**	**352.330**	**55.000**	**-**	
I	**NGÀNH/LĨNH VỰC GIAO THÔNG**						**8.420.486**	**3.334.110**	**5.086.376**	**-**	**-**	**-**	**45.072**	**45.072**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**45.072**	**45.072**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.963 đoạn QL80 – Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng nối với huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	Xã Giồng Riềng	Sở Xây dựng tỉnh An Giang		2026-2031	số 40/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của HĐND tỉnh ; Số 405/QĐ-SXD ngày 09/10/2025 của Sở Xây dựng	5.290.450	2.585.450	2.705.000				10.000	10.000					0	0	10.000	10.000					
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau	Tỉnh An Giang	Sở Xây dựng tỉnh An Giang		2026-2031	số 2062/QĐ-UBND ngày 28/6/2025; số 4110/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của UBND tỉnh; Số 604/QĐ-SXD ngày 01/11/2025 của Sở Xây dựng	2.995.270	613.894	2.381.376				10.000	10.000					0	0	10.000	10.000					
3	Nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 954 (phân đoạn tuyến từ ranh thị trấn Phú Mỹ - xã Phú Thọ đến bến phà Năng Gù)	Xã Phú Tân – xã Bình Thạnh Đông	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2025-2027	số 2064/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của UBND huyện Phú Tân	104.160	104.160		-			12.182	12.182					0	0	12.182	12.182					
4	Đầu tư xây dựng cảng tổng hợp phường Hà Tiên (giai đoạn 1)	phường Hà Tiên	UBND Phường Hà Tiên		2026-2030	Số 267/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND phường Hà Tiên	30.606	30.606		-			12.890	12.890					0	0	12.890	12.890					
II	**Ngành/Lĩnh vực Nông nghiệp - Môi trường**						**3.146.105**	**2.136.060**	**1.010.045**	**3.142**	**3.142**	**-**	**238.160**	**51.960**	**186.200**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-130.000**	**108.160**	**51.960**	**1.200**	**-**	**55.000**	**-**	
1	Dự án nước sạch nông thôn gắn với chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Tỉnh An Giang	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh An Giang	8070119	2025-2029	1971/QĐ-UBND 27/6/2025	902.987	902.987		2.215	2.215		10.000	10.000					0	0	10.000	10.000					
2	Trung tâm điều hành hệ thống cấp nước nông thôn	Tỉnh An Giang	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh An Giang	8158532	2025-2027	1973/QĐ-UBND 27/6/2025	60.000	60.000		287	287		1.200		1.200				0	0	1.200		1.200				
3	Dự án Chống ngập và chống hạn vùng đệm U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	Xã U Minh Thượng	Chi cục thuỷ lợi tỉnh An Giang	8155465	2025-2027	Số 64/QĐ-CCTL ngày 14/11/2025	66.033	66.033		-			1.800	1.800					0	0	1.800	1.800					
4	Dự án phục vụ công tác bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng của Ban Quản lý rừng An Giang - Khu vực I	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý rừng An Giang - Khu vực I	8205907	2025-2028	Số 483/QĐ-UBND ngày 04/02/2026 của UBND tỉnh; Số 29/QĐ-BQLRAGKVI ngày 21/4/2026 của Ban Quản lý rừng An Giang - Khu vực I	1.454	1.454		-			1.450	1.450					0	0	1.450	1.450					
5	Dự án Quản lý tổng hợp vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn II	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8199138	2027-2030	số 3105/QĐ-UBND, 05/7/2026 của UBND tỉnh	1.330.927	320.882	1.010.045				28.400	28.400					0	0	28.400	28.400					
6	Dự án Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang			Số 180/QĐ-BQLDA ngày 10/7/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	35.793	35.793					323	323					0	0	323	323					
7	Dự án Khu tái định cư đường Võ Trường Toản	Phường Rạch Giá	UBND phường Rạch Giá		2026-2029	41/QĐ-UBND 13/02/2026; 67/QĐ-UBND 05/3/2026 của UBND TP Rạch Giá	320.000	320.000		-			95.000		95.000				0	-65.000	30.000				30.000		
8	Dự án Khu tái định cư Nam An Hòa (giai đoạn 3)	Phường Rạch Giá	UBND phường Rạch Giá		2026-2029	115/QĐ-UBND 25/3/2026 của UBND P. Rạch Giá	315.000	315.000		-			90.000		90.000				0	-65.000	25.000				25.000		
9	Kè chống sạt lở bảo vệ trung tâm đô thị phường Hà Tiên	Phường Hà Tiên	UBND phường Hà Tiên	8171207	2026-2029	Số 170/QĐ-BQL ngày 19/12/2025 của BQLDA ĐTXD Hà Tiên	3.012	3.012		640	640		3.000	3.000					0	0	3.000	3.000					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					Tăng	Giảm (-)	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác					Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương				Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
10	Dự án đầu tư bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sửa chữa khu cứu hộ động vật hoang dã tại Vườn Quốc gia U Minh Thượng giai đoạn 2026 – 2030	Tỉnh An Giang	Vườn Quốc gia U Minh Thượng, tỉnh An Giang		2026-2028	Số 221/QĐ-VQGUMT ngày 29/7/2026	90.000	90.000		-			4.987	4.987					0	0	4.987	4.987					
11	Dự án xử lý sạt lở đê biển, bờ biển từ vàm Kim Quy đến kênh Mương Đào thuộc xã Vân Khánh, tỉnh An Giang	xã Vân Khánh	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang		2026-2028	Số 177/QĐ-BQLDA ngày 08/7/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	20.899	20.899					2.000	2.000					0	0	2.000	2.000					
III	**Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**						**1.668.753**	**823.650**	**845.103**	**3.024**	**3.024**	**-**	**337.698**	**753**	**-**	**336.945**	**-**	**-**	**-**	**-133.439**	**204.259**	**753**	**-**	**203.506**	**-**	**-**	
1	Dự án Mua sắm thiết bị tối thiểu lớp: 5, 8, 9, 11, 12; thiết bị giáo dục quốc phòng; thiết bị khoa học tự nhiên (Trung học cơ sở); phòng học bộ môn Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ (Trung học phổ thông); thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin; Chương trình Giáo dục phổ thông 2018	Tỉnh An Giang	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang		2025-2027	362/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh	270.000	270.000		-			235.000			235.000			0	-74.700	160.300			160.300			
2	Dự án cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm trang thiết bị trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực, thành phố Rạch Giá	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8160028	2025-2026	Số 2247/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của UBND tỉnh AN Giang	63.080	63.080		980	980		13.276			13.276			0	0	13.276			13.276			
3	Trường THPT Hòa Lạc	Hoà Lạc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2028	365/QĐ-UBND 27/01/2026 của UBND tỉnh	9.500	9.500		201	201		3.000			3.000			0	0	3.000			3.000			
4	Trường THPT Nguyễn Quang Diêu	Tân An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8131489	2026-2028	1188/QĐ-UBND 23/9/2025	9.100	9.100		617	617		5.000			5.000			0	0	5.000			5.000			
5	Dự án Trường THCS và THPT Phú Tân	Phú Tân	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2028	817/QĐ-UBND 09/3/2026	14.820	14.820		199	199		3.000			3.000			0	0	3.000			3.000			
6	Trang bị bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho các trường học trên địa bàn tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8160401	2025-2026	2810/QĐ-UBND 31/12/2025	165.745	165.745		177	177		30.000			30.000			0	-25.000	5.000			5.000			
7	Trường PTNT TH&THCS Vĩnh Xương	xã Vĩnh Xương	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2027	Số 2791/QĐ-UBND, 15/6/2026 của UBND tỉnh	288.051	34.051	254.000				3.827			3.827			0	-3.827	-						
8	Trường PTNT TH&THCS Phú Hữu	xã Phú Hữu	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2027	Số 2761/QĐ-UBND, 12/6/2026 của UBND tỉnh	225.367	12.264	213.103				12.264			12.264			0	-12.264	-						
9	Trường PTNT TH&THCS Nhơn Hội	xã Nhơn Hội	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2027	Số 2762/QĐ-UBND, 12/6/2026 của UBND tỉnh	214.267	21.267	193.000				12.648			12.648			0	-12.648	-						
10	Trường PTNT TH&THCS Vĩnh Điều	xã Vĩnh Điều	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2026-2027	Số 2763/QĐ-UBND, 12/6/2026 của UBND tỉnh	190.000	5.000	185.000				5.000			5.000			0	-5.000	-						
11	Trường tiểu học A Quốc Thái điểm phụ (Quốc Phú)	xã Nhơn Hội	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2025-2027	144/QĐ-BQL ngày 17/02/2025	3.240	3.240		-			159	159					0	0	159	159					
12	Trường TH B Mỹ Phú điểm phụ (Mỹ An)	Châu Phú	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2025-2027	1236/QĐ-UBND 28/6/2025; 767/QĐ-UBND 04/3/2026	3.038	3.038		-			3.030			3.030			0	0	3.030			3.030			
13	Trường Mầm non Thuận Yên	Phường Tô Châu	UBND phường Tô Châu	8065961	2025-2028	2610/QĐ-UBND 12/12/2023; 1240/QĐ-UBND 21/11/2025 của UBND P. Tô Châu	32.000	32.000		850	850		10.000			10.000			0	0	10.000			10.000			
14	Trường tiểu học Vĩnh Trung điểm phụ (Vĩnh Đông)	xã An Cư	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2025-2027	số 533/QĐ-SXD ngày 23/6/2026 của Sở Xây dựng	4.306	4.306		-			900			900			0	0	900			900			
15	Trường THCS Tân Phú	xã Vĩnh An	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2028	Số 831/QĐ-BQLDA ngày 17/7/2026 của Ban Quản lý dự án tỉnh AG	44.662	44.662	-	-			444	444					0	0	444	444					
16	Dự án Đầu tư các hạng mục còn lại của Trường chính trị Tôn Đức Thắng theo quy hoạch tổng thể mặt bằng 1/500	Phường Mỹ Thới	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2027-2030	Số 817/QĐ-BQLDA ngày 03/8/2026	131.577	131.577		-			150	150					0	0	150	150					
IV	**Lĩnh vực khoa học và công nghệ**						**366.702**	**366.702**	**-**	**350**	**350**	**-**	**19.918**	**3.918**	**-**	**16.000**	**-**	**-**	**-**	**0**	**19.918**	**3.918**	**-**	**16.000**	**-**	**-**	
1	Dự án: "Đầu tư Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tại các sở, ban ngành tỉnh Kiên Giang và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang"	Tỉnh An Giang	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang	8159106	2024-2026	số 2338/QĐ-UBND ngày 14/12/2025 của UBND tỉnh	16.428	16.428		350	350		16.000			16.000			0	0	16.000			16.000			
2	Dự án "Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến cấp xã và hệ thống camera giám sát Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã"	Tỉnh An Giang	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang		2026-2028	số 3710/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 của UBND	78.511	78.511		-			489	489					0	0	489	489					
3	Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang		2026-2028	số 3710/QĐ-UBND của UBND tỉnh	1.030	1.030					1.030	1.030					0	0	1.030	1.030					
4	Trung tâm An ninh mạng tỉnh An Giang	tỉnh An Giang	Công an tỉnh An Giang		2026-2028	3934/QĐ-UBND ngày 20/8/2026 của UBND tỉnh	733	733		-			733	733					0	0	733	733					
5	Dự án Đầu tư nâng cấp Phòng giám sát camera Công an tỉnh thành Trung tâm thông tin chỉ huy tác chiến điện tử Công an tỉnh phục vụ Hội nghị APEC 2027 và công tác đảm bảo an ninh trật tự	tỉnh An Giang	Công an tỉnh An Giang		2026-2027	Số 3739/QĐ-UBND ngày 07/8/2026 của UBND	270.000	270.000		-			1.666	1.666					0	0	1.666	1.666					
V	**Ban Chỉ huy Biên Phòng tỉnh**						**17.995**	**17.995**	**-**	**348**	**348**	**-**	**17.550**	**17.550**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**17.550**	**17.550**	**-**	**-**	**-**	**-**	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm (-)	TỔNG SỐ	Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
1	Tiểu đoàn huấn luyện - cơ động	Phường Vĩnh Thông	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang		2025-2026	Số 83/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh	3.000	3.000		148	148		2.850	2.850					0	0	2.850	2.850					
2	Dự án Hệ thống cầu truyền hình giao ban trực tuyến phục vụ chỉ đạo, điều hành và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin trong lực lượng Bộ đội Biên phòng	tỉnh An Giang	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang		2025-2026	số 242/QĐ-UBND ngày 11/9/2026 của UBND tỉnh An Giang	14.995	14.995		200	200		14.700	14.700					0	0	14.700	14.700					
VI	**Công an tỉnh**						**1.002.000**	**440.000**	**562.000**	-	-	-	**275.460**	**128.790**	**146.670**	-	-	-	-	**0**	**275.460**	**275.460**	-	-	-	-	
1	Dự án đóng mới 01 Tàu chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trên biển cho Công an tỉnh	tỉnh An Giang	Công an tỉnh An Giang		2025-2028	số 839/QĐ-UBND ngày 10/3/2026 của UBND tỉnh	395.000	316.000	79.000	-			151.460	4.790	146.670				0	0	151.460	151.460					
2	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an đặc khu Phú Quốc	đặc khu Phú Quốc	Công an tỉnh An Giang		2025-2028	số 1164/QĐ-BCA-K02 ngày 10/2/2026 của Bộ Công an	607.000	124.000	483.000	-			124.000	124.000					0	0	124.000	124.000					
VII	**Lĩnh vực phát thanh và Truyền hình tỉnh**						**115.742**	**115.742**	-	**1.000**	**1.000**	-	**20.000**	**20.000**	-	-	-	-	-	**-19.000**	**1.000**	**1.000**	-	-	-	-	
1	Dự án Hệ thống tòa nhà trang âm, thiết bị phim trường có khán giả và hạng mục phụ	phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8126400	2025-2028	số 1720/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của UBND tỉnh	115.742	115.742		1.000	1.000		20.000	20.000					0	-19.000	1.000	1.000					
VIII	**LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ, GIA ĐÌNH**						**1.176.460**	**1.176.460**	-	**669**	**669**	-	**174.278**	**2.060**	-	**172.218**	-	-	-	**-50.000**	**124.278**	**2.060**	-	**122.218**	-	-	
1	Dự án đầu tư Hệ thống chụp mạch máu xóa nền (DSA) cho các bệnh viện tuyến tỉnh	Tỉnh An Giang	Sở Y tế An Giang		2025-2026	số 2618/QĐ-UBND ngày 28/12/2025 của UBND tỉnh	89.609	89.609	-	106	106		73.094			73.094			0	-30.000	43.094			43.094			
2	Đầu tư Hệ thống chụp cắt lớp vi tính ≥ 512 lát cắt (CT Scanner ≥ 256 lát cắt/vòng quay) cho Bệnh viện đa khoa An Giang	Tỉnh An Giang	Sở Y tế An Giang		2025-2026	số 2619/QĐ-UBND ngày 28/12/2025 của UBND tỉnh	52.925	52.925	-	100	100		52.240			52.240			0	-20.000	32.240			32.240			
3	Dự án đầu tư thiết bị y tế cho Trung tâm y tế Châu Phú	Tỉnh An Giang	Sở Y tế An Giang		2025-2026	số 2661/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh	5.260	5.260	-	200	200		5.000			5.000			0	0	5.000			5.000			
4	Dự án đầu tư hệ thống máy chạy thận nhân tạo cho các cơ sở y tế	Tỉnh An Giang	Sở Y tế An Giang		2025-2026	số 2657/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh	34.799	34.799	-	63	63		29.339			29.339			0	0	29.339			29.339			
5	Đầu tư thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng An Giang	Tỉnh An Giang	Sở Y tế An Giang		2025-2026	số 2658/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh	12.745	12.745	-	200	200		12.545			12.545			0	0	12.545			12.545			
6	Dự án Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị cho Trung tâm Y tế Phú Quốc	Đặc khu Phú Quốc	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2026-2027	Số 223/QĐ-BQL ngày 23/6/2026 của BQLDA ĐTXD-GT	149.968	149.968	-	-			750	750					0	0	750	750					
7	Đầu tư thiết bị y tế chuyên dùng cho bệnh viện Ung Bướu Kiên Giang	phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2025-2027	Quyết định số 3499/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của UBND tỉnh An Giang	235.897	235.897	-	-			500	500					0	0	500	500					
8	Đầu tư mở rộng Bệnh viện đa khoa Châu Đốc (Xây mới khu điều trị nội trú 300 giường)	Phường Châu Đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2027-2030	Số 763/QĐ-BQLDA ngày 30/6/2026 của Ban	506.338	506.338	-	-			300	300					0	0	300	300					
9	Sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị chuyên dùng Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2026-2028	số 273/QĐ-BQL ngày 28/7/2026 của Ban Quản lý	50.000	50.000		-			410	410					0	0	410	410					
10	Đầu tư Bệnh viện Sản - Nhi An Giang được đấu nối cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giai đoạn 3)	Tỉnh An Giang	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2028	Số 882/QĐ-BQLDA ngày 06/8/2026 của Ban	38.919	38.919					100	100					0	0	100	100					
IX	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**						**139.355**	**139.355**	-	-	-	-	**1.697**	**1.697**	-	-	-	-	-	**0**	**1.697**	**1.697**	-	-	-	-	
1	Dự án Đầu tư xây dựng Hội trường UBND, Trung tâm đổi mới sáng tạo, khu vực trưng bày, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và một số hạng mục phụ khác	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2026-2029	61/QĐ-BQL ngày 13/02/2026	132.355	132.355		-			1.360	1.360					0	0	1.360	1.360					
2	Dự án Sửa chữa, nâng cấp trụ sở, mua sắm thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Phường Rạch Giá	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang		2026-2028	Số 224/QĐ-BQL ngày 23/6/2026 của BQLDA ĐTXD-GT	7.000	7.000		-			337	337					0	0	337	337					
X	**VĂN HÓA, THÔNG TIN**						**380.000**	**190.000**	**190.000**	-	-	-	**606**	-	-	**606**	-	-	-	**0**	**606**	-	-	**606**	-	-	
1	Dự án mở rộng khu vực mộ và đình Nguyễn Trung Trực	Phường Rạch Giá	UBND phường Rạch Giá		2026-2028	Số 143/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND phường Rạch Giá; Số 589/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của UBND phường Rạch Giá	380.000	190.000	190.000				606			606			0	0	606			606			
XI	**XÃ HỘI**						**34.928**	**34.928**	-	**150**	**150**	-	**10.000**	-	-	**10.000**	-	-	-	**0**	**10.000**	-	-	**10.000**	-	-	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh An Giang	Xã An Châu	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2026-2028	Số 2719/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	34.928	34.928	-	150	150		10.000			10.000			0	0	10.000			10.000			
XII	**KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ**						**616.112**	**616.112**	-	-	-	-	**430**	**430**	-	-	-	-	-	**0**	**430**	**430**	-	-	-	-	
1	Đường giao thông kết nối CCN Hoà An, xã Hội An với đường 946 và đường DH17	Tỉnh An Giang	Sở Công thương An Giang		2026-2028	Số 70/QĐ-SCT ngày 26/3/2026 của Sở Công thương	209.207	209.207	-	-			81	81					0	0	81	81					
2	Đường giao thông kết nối CCN Hà Giang, phường Tô Châu với đường cặp kênh 1000	Tỉnh An Giang	Sở Công thương An Giang		2026-2028	Số 72/QĐ-SCT ngày 26/3/2026 của Sở Công thương	223.848	223.848	-	-			162	162					0	0	162	162					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất/Cơ quan đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh *(nếu có)*					Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu tư án đến hết kế hoạch năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; số 05/NQ-HĐND ngày 10/02/2026; số 31/NQ-HĐND ngày 28/7/2026)						Chênh lệch		Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh						Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:							TRONG ĐÓ:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Vốn khác		Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tăng	Giảm (-)	TỔNG SỐ	Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
3	Đường giao thông kết nối CCN Cái Tư, xã Vĩnh Hoà Hưng đấu nối với đường Quốc lộ 61	Tỉnh An Giang	Sở Công thương An Giang		2026-2028	Số 73/QĐ-SCT ngày 26/3/2026 của Sở Công thương	143.022	143.022	-	-			87	87					0	0	87	87					
4	Hệ thống xử lý nước thải tập trung module 2 công suất 900 m3/ngày.đêm và hồ sự cố 1800 m3 khu công nghiệp Bình Hòa	Xã Bình Hòa	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang		2027-2029	Số 900/QĐ-BQLDA ngày 13/8/2026 của Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	40.035	40.035	-	-			100	100					0	0	100	100					
C	**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHÁC**						**11.315.759**	**11.315.759**	-	-	-	-	**4.168.597**	**1.355.503**	**1.016.739**	**1.796.355**	-	-	**3.694.717**	**-27.800**	**7.835.515**	**3.745.377**	**2.193.743**	**1.796.355**	**100.040,281**	-	
I	**Hỗ trợ có mục tiêu**						**2.486.000**	**2.486.000**	-	-	-	-	**1.002.761**	-	**50.000**	**952.761**	-	-	-	**0**	**1.002.761**	-	**50.000**	**952.761**	-	-	
1	Hỗ trợ đầu tư và xây dựng đối với các đô thị động lực và các dự án có tính chất liên vùng, liên xã	Tỉnh An Giang					-	-	-	-	-	-	50.000	-	50.000	-	-	-	-	0	50.000	-	50.000	-	-	-	
	UBND đặc khu Phú Quốc		UBND đặc khu Phú Quốc										50.000		50.000				0	0	50.000		50.000				
2	Vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội	Tỉnh An Giang	Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh An Giang		2026-2030	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh An Giang; Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh	2.436.000	2.436.000		-			942.761			942.761			0	0	942.761			942.761			
3	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh	Tỉnh An Giang	Hội nông dân tỉnh An Giang		2026-2030	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 24/10/2025; Đề án số 08-DA/HNDT ngày	50.000	50.000		-			10.000			10.000			0	0	10.000			10.000			
II	**CHI TRẢ NỢ, LÃI TIỀN VAY; TRẢ NỢ GỐC CÁC KHOẢN VAY**	**Tỉnh An Giang**	**Sở Tài chính An Giang**				**269.420**	**269.420**	-	-			**27.800**	**27.800**					**0**	**-27.800**	-						
III	**Bố trí vốn đầu tư cho 102 xã, phường, đặc khu theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 21/5/2026 của HĐND tỉnh An Giang**	**Tỉnh An Giang**	**PHÂN BỔ THEO TIÊU CHÍ ĐỊNH MỨC 102 XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU**				**8.560.339**	**8.560.339**	-	-	-		**2.368.801**	**1.192.828**	**571.379**	**604.594**			0	0	**2.368.801**	**1.192.828**	**571.379**	**604.594**			
IV	**Ghi chi bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**												-	-	-	-		-	**3.594.678**	**0**	**3.594.678**	**2.417.674**	**1.177.004**	-	-	-	
	Trong đó:																										
1	**Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách địa phương. Trong đó:**	**Đặc khu Phú Quốc**											-	-	-	-		-	**1.177.004**	**0**	**1.177.004**	-	**1.177.004**	-	-	-	**Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang**
-	Dự án Bãi Đất Đỏ		UBND đặc khu Phú Quốc										-						195.532	0	195.532		195.532				Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang
-	Dự án Núi Ông Quán		UBND đặc khu Phú Quốc										-						432.948	0	432.948		432.948				Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang
-	Dự án khu đô thị cao cấp Đại Thành		UBND đặc khu Phú Quốc										-						262.162	0	262.162		262.162				Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang
-	Dự án Khu nghỉ dưỡng phức hợp Enclave PQ		UBND đặc khu Phú Quốc										-						286.362	0	286.362		286.362				Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang
2	**Chi đầu tư nguồn vốn trong nước (NSĐP) từ nguồn thu tiền thuê đất. Trong đó:**	**Đặc khu Phú Quốc**			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**2.417.674**	**0**	**2.417.674**	**2.417.674**	-	-	-	-	**Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang**
-	Dự án Bãi Đất Đỏ		UBND đặc khu Phú Quốc										-						1.931.503	0	1.931.503	1.931.503					Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang
-	Dự án Núi Ông Quán		UBND đặc khu Phú Quốc										-						204.682	0	204.682	204.682					Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang
-	Dự án cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm-Phú Quốc		UBND đặc khu Phú Quốc										-						62.607	0	62.607	62.607					Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang
-	Dự án khu đô thị cao cấp Đại Thành		UBND đặc khu Phú Quốc										-						3.040	0	3.040	3.040					Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang
-	Dự án Khu nghỉ dưỡng phức hợp Enclave PQ		UBND đặc khu Phú Quốc										-						84.832	0	84.832	84.832					Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang
-	Dự án Khu du lịch sinh thái và dân cư Rạch Tram		UBND đặc khu Phú Quốc										-						54.380	0	54.380	54.380					Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang
-	Dự án Khu du lịch sinh thái Vũng Bầu		UBND đặc khu Phú Quốc										-						10.184	0	10.184	10.184					Công văn số 2653/AGI-CNTK ngày 29/9/2026 của Thuế tỉnh An Giang
-	Dự án Khu dân cư và đô thị Suối Lớn		UBND đặc khu Phú Quốc																66.446	0	66.446	66.446					Công văn số 2663/AGI-CNTK ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Thuế tỉnh An Giang
V	**Thanh toán công nợ sau quyết toán**	**Tỉnh An Giang**	**Tỉnh An Giang**										-					-	**100.039**	**0**	**100.039,281**				**100.039,281**		**Kèm theo Phụ lục IV.1 danh mục chi tiết**
VI	**Chương trình, nhiệm vụ, dự án khác chưa đủ điều kiện bố trí vốn, sau khi đủ điều kiện sẽ trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết theo quy định**	**Tỉnh An Giang**											**769.235**	**134.875**	**395.360**	**239.000**		-	0	0	**769.235**	**134.875**	**395.360**	**239.000**	-	-	